Chương II
TỈNH CỬU LONG THỰC HIỆN CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (02/1976 - 4/1986)

I. THÀNH LẬP TỈNH CỬU LONG VÀ ĐẢNG BỘ TỈNH CỬU LONG

1. Thành lập tỉnh Cửu Long và Đảng bộ tỉnh Cửu Long

Ngày 20/9/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) ban hành Nghị quyết số 245-NQ/TW *"Về việc bỏ khu, hợp tỉnh"*. Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Quyết định số 349-QĐ/TW *"Về việc điều chỉnh, hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam"* và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ban hành Nghị định *"Về việc giải thể khu, điều chỉnh hợp nhất tỉnh ở miền Nam"*. Theo đó, hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh hợp nhất lấy tên là tỉnh Cửu Long.

Tỉnh Cửu Long có diện tích tự nhiên trên 3.854 km^2, trong đó có 70,35% đất nông nghiệp, 4,5% đất lâm nghiệp, diện tích còn lại là đất ở và các loại đất khác[21]. Tỉnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thị xã Vĩnh Long, thị xã Trà Vinh và các huyện Châu Thành Tây, (nay là Long Hồ), Bình Minh, Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm, Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành Đông (nay là Châu Thành), Trà Cú, Cầu Ngang. Dân số khoảng 1.504.200 người, trong đó 90,95% dân số sống ở khu vực nông thôn; 83,79% là người dân tộc Kinh, 14,13% là người dân tộc Khmer và 1,34% là người dân tộc Hoa, còn lại là các dân tộc khác.

Sau khi điều chỉnh, sắp xếp lại địa giới hành chính theo Quyết định số 59-CP ngày 11/3/1977 của Chính phủ *về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện thuộc tỉnh Cửu Long*, tỉnh Cửu Long có 02 thị xã và 07 huyện[22].

Từ năm 1981 đến năm 1987, Chính phủ có ba lần điều chỉnh địa giới

[21] Bao gồm cả diện tích đất hoang hóa do chiến tranh.

[22] Gồm thị xã Vĩnh Long (tỉnh lỵ), thị xã Trà Vinh và các huyện Cầu Kè, Cầu Ngang, Càng Long, Long Hồ, Tam Bình, Trà Cú, Vũng Liêm.

hành chính cấp huyện[23]. Đến năm 1987, tỉnh Cửu Long có 02 thị xã và 12 huyện, gồm: thị xã Vĩnh Long (tỉnh lỵ), thị xã Trà Vinh và các huyện: Cầu Kè, Cầu Ngang, Càng Long, Châu Thành, Trà Cú, Tiểu Cần, Duyên Hải, Bình Minh, Long Hồ, Tam Bình, Vũng Liêm và Trà Ôn.

Cùng với quyết định hợp nhất tỉnh, ngày 06/01/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 08-QĐ/NS chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh gồm 40 đồng chí[24]; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí, do đồng chí Hồ Nam (còn có tên gọi khác Hồ Lộc, bí danh Năm Đạt) làm Bí thư; đồng chí Trịnh Văn Lâu (Tư Cần), Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Nguyễn Ký Ức (Nguyễn Hoàng Oanh), Phó Bí thư. Đến cuối năm 1976, toàn Đảng bộ có 9.590 đảng viên[25].

2. Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh

Từ năm 1976 đến năm 1986, Đảng bộ tỉnh Cửu Long tiến hành 03 kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. Đó là Đại hội lần thứ I (nhiệm kỳ 1976 - 1980); lần thứ II (nhiệm kỳ 1980 - 1982), lần thứ III (nhiệm kỳ 1983 - 1986). Lúc bấy giờ, nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh được quy định 05 năm hai lần.

2.1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ I, nhiệm kỳ 1976 - 1980

Thực hiện Chỉ thị 240-CT/TW ngày 06/10/1976 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về tiến hành Đại hội Đảng các cấp, từ đầu tháng 10/1976, Tỉnh ủy Cửu Long đã chỉ đạo các Đảng bộ huyện, thị xã và các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tiến hành Đại hội bầu đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Đại hội Đảng các cấp lần này được tiến hành khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới: Từ

[23] Vào các năm 1981 theo Quyết định 69-HĐBT ngày 15/9/1981, Quyết định 98-HĐBT ngày 29/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1985, theo Quyết định 86-HĐBT ngày 27/3/1985 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1987 theo Quyết định 44-HĐBT ngày 17/4/1987 của Hội đồng Bộ trưởng.

[24] Danh sách Ban chấp hành xem Phụ lục số 1.

[25] Sách *Cửu Long 15 năm phát triển kinh tế - xã hội (1975 - 1990)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cửu Long ấn hành năm 1992, trang 185.

chiến tranh sang hoà bình; từ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, sang làm một nhiệm vụ chiến lược là cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Đây là sự kiện sinh hoạt chính trị lớn nhất trong lịch sử 46 năm đấu tranh cách mạng của Đảng ta, trong đó có Đảng bộ tỉnh Cửu Long.

Chào mừng Đại hội Đảng các cấp, Nhân dân trong tỉnh hăng hái thi đua lao động sản xuất. Mặt trận, các đoàn thể quần chúng động viên Nhân dân thông qua các hoạt động sinh hoạt, mít tinh, gởi thư cho Đại hội nói lên suy nghĩ, tình cảm của mình với lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng, Bác Hồ, tin tưởng vào thành công của Đại hội. Khắp các nơi trong tỉnh dấy lên phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ I, nhiệm kỳ 1976 - 1980 được tổ chức tại thị xã Vĩnh Long *(nay là thành phố Vĩnh Long)*. Đại hội được tiến hành 02 vòng. Đại hội vòng 01 họp từ ngày 11/11/1976 đến ngày 20/11/1976, với nhiệm vụ là đóng góp ý kiến vào văn kiện Đại hội của tỉnh và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Về dự Đại hội có 296 đại biểu, thay mặt cho hơn 10.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng gồm 12 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Đáng làm Trưởng đoàn.

Sau Đại hội vòng 1, đồng chí Nguyễn Đáng cùng đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976 tại Hà Nội và được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV.

Đại hội vòng 02 được tiến hành từ ngày 28/3 đến ngày 08/4/1977, với nhiệm vụ là thảo luận, quán triệt Nghị quyết Đại hội cấp trên để bổ sung hoàn chỉnh Nghị quyết của tỉnh, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I. Đại hội, đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 1976 - 1980 gồm 35 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết[26]. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 ủy viên, đồng chí Nguyễn Đáng (Năm Trung), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung

[26] Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ, xem phụ lục 1.

ương Đảng[27], được bầu làm Bí thư; các đồng chí Trịnh Văn Lâu (Tư Cẩn) và Nguyễn Ký Ức (Sáu Ức) làm Phó Bí thư.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ I, nhiệm kỳ 1976 - 1980.
Ảnh: Sưu tầm

Đại hội đánh giá tình hình 02 năm 1975-1976, nêu ra 04 thành tựu nổi bật:

Thứ nhất, xây dựng hoàn chỉnh bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, từng bước thực hiện chức năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế và quản lý đời sống; đồng thời đưa ra khỏi bộ máy chính quyền những phần tử cơ hội; chính trị, trật tự xã hội được ổn định; đa số Nhân dân được giáo dục về tình hình nhiệm vụ mới nên rất nhiệt tình trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nổi bật nhất là bầu cử Quốc hội chung cả nước với số cử tri đi bầu gần đạt 100%; tham gia dập tắt cuộc bạo loạn cướp chính quyền của lực lượng phản cách mạng vào ngày 16/11/1976; củng cố vững chắc quốc phòng và an ninh.

Thứ hai, công tác khôi phục và phát triển sản xuất như làm thủy lợi, khai hoang, phục hóa, phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp… được đẩy mạnh. Từ đó, đã giải quyết tốt vấn đề lương thực, tỉnh Cửu

[27] Tháng 02/1976, đồng chí Nguyễn Đáng (Năm Trung) là Phó Bí thư Tỉnh ủy An Giang. Chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ I (vòng 1), đồng chí Nguyễn Đáng được Bộ Chính trị phân công về Cửu Long tham gia chỉ đạo Đại hội.

Long không xảy ra nạn đói sau chiến tranh, trong năm 1977, tỉnh còn làm nghĩa vụ lương thực cho nhà nước trên 68.500 tấn lúa.

Thứ ba, các mặt văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội phát triển, giải quyết các tệ nạn xã hội, thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa có sự chuyển biến đáng kể. Ngoài hai trường bổ túc văn hóa tập trung của tỉnh còn có các lớp bổ túc của các huyện, thị xã và các đơn vị, ngành. Mạng lưới y tế vệ sinh được triển khai đến tận xã, thuốc chữa bệnh cũng được nâng lên từ 8 xu/người/tháng lên 16 xu/người/tháng.

Thứ tư, công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng đi đôi với kiện toàn tổ chức thông qua cuộc học tập chỉnh huấn và đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình được triển khai trong toàn Đảng bộ và phát động ra quần chúng nhân dân đã nâng cao nhận thức về tình hình nhiệm vụ của thời kỳ thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Đa số cán bộ, đảng viên đã tỏ ra xứng đáng với vai trò, trách nhiệm của mình, vừa tích cực công tác vừa học tập để bắt kịp yêu cầu nhiệm vụ được giao. Những vùng mới giải phóng đã xây dựng được cơ sở đảng.

Trên cơ sở đánh giá tình hình hai năm 1975 - 1976, Đại hội đề ra nhiệm vụ công tác hai năm 1977 - 1978 và phương hướng đến năm 1980 là: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân, trấn áp bọn phản cách mạng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội. Tập trung cao độ lực lượng toàn tỉnh thực hiện kế hoạch 5 năm, trước mắt thực hiện kế hoạch hai năm 1977 - 1978: ra sức khôi phục và phát triển sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, đi đôi phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp. Đẩy mạnh công tác y tế, giáo dục, thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ; giải quyết triệt để tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống mới, con người mới; cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, xóa bỏ tàn dư của chế độ phong kiến; đẩy mạnh phong trào làm ăn tập thể; tập đoàn thành phổ biến, có trình độ khá cao, tổ chức thí điểm hợp tác xã nông nghiệp, tổ chức nông trường quốc doanh, tạo điều kiện đi nhanh lên hợp tác hóa nông nghiệp. Năm 1977, tỉnh đạt 750.000 tấn lúa, năm 1978 tăng lên 940.000 tấn, đến năm 1980 đạt 1,3 triệu tấn. Từng bước xây dựng cấp huyện, đến năm 1980 hình

thành thế kết hợp công - nông nghiệp. Năm 1978, tình ổn định cơ bản các mặt với tư thế chuyển lên phát triển. Trên cơ sở các phong trào đó, tỉnh củng cố và phát triển thực lực cách mạng, xây dựng củng cố Đảng bộ ngày càng vững mạnh.

Về nông, lâm, ngư nghiệp, trong hai năm 1977 - 1978, tiếp tục đẩy mạnh cải tạo để khôi phục toàn bộ diện tích đất trồng lúa, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp... theo hướng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm đảm bảo vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho Nhân dân trong tỉnh, góp phần giải quyết nhu cầu lương thực của cả nước, tăng nhanh hàng xuất khẩu. Tiếp tục tiến hành hoàn chỉnh quy hoạch phân vùng nước ngọt, nước lợ, nước mặn và vùng biển, phát huy thuận lợi và sức mạnh của mỗi vùng tạo điều kiện cho mỗi vùng đều phát triển cả ba mặt trong sản xuất là: Phát động phong trào quần chúng làm công tác thủy nông vừa và nhỏ, từng bước đầu tư làm công trình thủy nông lớn nhằm tháo chua, chống úng, ngăn mặn và dẫn nước ngọt phục vụ cho tăng vụ. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cây giống, cung cấp các loại giống mới có năng suất cao, áp dụng khoa học - kỹ thuật gieo trồng theo hướng từng bước tiến lên cơ khí hóa nông nghiệp, phân bố lại lao động cho hợp lý. Từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp toàn diện. Trước mắt, trong hai năm, xây dựng hai huyện điển hình để rút kinh nghiệm cho chỉ đạo các năm tới.

Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Nghị quyết nêu: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải gắn liền với thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng nhằm phục vụ đời sống vật chất, văn hóa cho Nhân dân, nâng cao mức thu nhập thực tế của người lao động, giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng ngày càng nhiều, giảm bớt sự cung cấp của trên, hạ dần giá thành sản phẩm, tạo một số mặt hàng xuất khẩu.

Về phát triển khoa học - kỹ thuật, Nghị quyết xác định: Khoa học - kỹ thuật là một khâu then chốt trong ba cuộc cách mạng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, mọi hoạt động khoa học - kỹ thuật đều nhằm thực hiện đường lối của Đảng trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh, nhất là sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có trình độ khoa học - kỹ thuật cao để đưa

nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu lên cơ giới hóa. Phải tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật cho các ngành nghề, trước mắt cho nông nghiệp, công nghiệp, ngư nghiệp, đảm bảo đến cuối năm 1980 có lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật tương đối đủ cho các ngành. Sử dụng số cán bộ tốt hiện có, khai thác tốt những sáng kiến về khoa học - kỹ thuật, sáng tạo phổ biến trong Nhân dân, kết hợp với khoa học hiện đại để phát huy, tiếp nhận, sử dụng đúng mức và có chọn lọc số cán bộ khoa học - kỹ thuật trong Nhân dân để bồi dưỡng và thu nhận vào các ngành nghề.

Đối với nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất, Nghị quyết xác định đây là nhiệm vụ rất nặng nề và phức tạp. Trong năm 1977, tỉnh phải xóa bỏ triệt để quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và những tàn tích phong kiến, song song với tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tư bản tư doanh, đối với công nghiệp và nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ. Riêng đối với nông nghiệp, tỉnh tiến lên hợp tác hóa đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lấy huyện làm đơn vị kinh tế nông nghiệp. Đi đôi với quy hoạch, phân vùng sản xuất, tỉnh cần tổ chức củng cố nông hội các cấp, nhất là cơ sở; tổ chức tốt tổ đoàn kết, vạn vần đổi công, tiến lên bình công chấm điểm, đi đôi với việc xây dựng một số hợp tác xã làm thí điểm để rút kinh nghiệm và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đến kế hoạch hai năm 1979 - 1980 tiến hành hợp tác hóa trên phạm vi lớn, nhanh, gọn và vững chắc.

2.2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ II

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ II được tổ chức tại thị xã Vĩnh Long, từ ngày 03/01 đến ngày 09/01/1980. Về dự Đại hội có gần 400 đại biểu tham dự, đại diện cho 11.000 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá mới gồm 43 uỷ viên chính thức, 02 ủy viên dự khuyết; Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đáng (Năm Trung) Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV, tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Ký Ức và đồng chí Trịnh Văn Lâu (Tư Cẩn) được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ II, nhiệm kỳ 1980 - 1982.
Ảnh: Sưu tầm

Đại hội nhất trí đánh giá kết quả sau 03 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I: Trong hoàn cảnh đặc biệt phức tạp, khó khăn do hậu quả 30 năm chiến tranh chưa khắc phục xong, lại gặp thiên tai liên tục, nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh quán triệt đường lối, nắm vững nhiệm vụ, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, phấn đấu kiên cường thực hiện nhiệm vụ do Đại hội I đề ra đạt được thắng lợi trên mọi mặt.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ qua, Đại hội xác định nhiệm kỳ 1980 - 1982 của Đảng bộ tỉnh có vị trí hết sức quan trọng. Vì năm 1980 là năm quyết định hoàn thành kế hoạch 05 năm lần thứ hai; năm 1981 là năm mở đầu tạo khí thế cho năm kế hoạch 05 năm lần thứ ba của đất nước. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của nhiệm kỳ này là phải vừa đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống Nhân dân; vừa phải tăng cường quốc phòng - an ninh, sẵn sàng chiến đấu và bảo đảm chiến thắng; ra sức đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; đồng thời phải xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và tích cực chi viện sức người, sức của cho bạn (Campuchia).

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch 05 năm của cả nước, Đại hội chỉ ra phương hướng nhiệm kỳ 1980 - 1982 của Đảng bộ tỉnh là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của*

Nhân dân lao động, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng; tích cực xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể; tích cực cải tạo quan hệ sản xuất cũ, từng bước xây dựng và hoàn thiện các hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng tốt nhất lao động, đất đai, máy móc, vật tư sẵn có để phát triển sản xuất; đồng thời, phải nghiêm khắc sửa chữa những sai sót về tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội". Đại hội chỉ ra bốn nhiệm vụ trọng tâm là:

Một là, tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là lương thực và thực phẩm với tốc độ nhanh và vững chắc. Đẩy mạnh nuôi trồng và khai thác nghề cá, tôm ở biển và sông, rạch. Phát triển nhanh tiểu thủ công nghiệp, từng bước xây dựng công nghiệp địa phương. Tích cực sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu cho Nhân dân; đồng thời, mở rộng nguồn hàng xuất khẩu, củng cố phát triển giao thông vận tải, nắm nguồn lương thực và các nông sản chủ yếu. Tổ chức tốt đời sống Nhân dân trong tỉnh và làm tốt nghĩa vụ đối với cả nước. Đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp, đưa đại bộ phận nông dân vào con đường làm ăn tập thể với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất và hợp tác xã thí điểm.

Hai là, phát động phong trào quốc phòng, an ninh toàn dân vững mạnh. Tích cực, chủ động truy quét phản động, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn vững chắc ở nội địa, tăng nhanh sức chiến đấu ở vùng biển, làm tốt công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, công an vũ trang địa phương vững mạnh, dân quân đều khắp, đông về số lượng, mạnh về chất lượng. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, khẩn trương xây dựng huyện sớm trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Tích cực làm tròn trách nhiệm đối với phía trước (mặt trận biên giới phía Bắc) và chi viện cho bạn (Campuchia).

Ba là, ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của lãnh đạo; phát huy những nhân tố tích cực, kiên quyết và kịp thời khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu ý thức tiết kiệm và tổ chức kỷ luật.

Bốn là, tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chuyên chính vô sản trong sạch, vững mạnh về mọi mặt. Nâng cao năng lực

lãnh đạo và tăng cường sức chiến đấu mới cho cán bộ, đảng viên. Tích cực bồi dưỡng năng lực quản lý kinh tế và giáo dục cho cán bộ, đảng viên quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, quan điểm lập trường giai cấp công nhân, nâng cao ý thức kỷ luật, quan hệ chặt chẽ với quần chúng. Nhanh chóng củng cố Đảng, phát triển đội ngũ đảng viên và đào tạo đội ngũ cán bộ cho các ngành, các cấp. Nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội của bộ máy chính quyền các cấp; thực hiện tốt bốn chế độ của Hội đồng Chính phủ ban hành; chăm sóc tốt đời sống Nhân dân.

Đại hội đề ra 05 chỉ tiêu chủ yếu:

Năm 1980:

+ Lương thực: 700.000 tấn (thu mua 100.000 tấn).

+ Đàn heo: 250.000 con (Nhà nước huy động và nắm ít nhất 20%).

+ Tôm, cá: 15.000 tấn (trong đó 1.000 tấn tôm xuất khẩu).

+ Giá trị sản lượng công nghiệp: 40 triệu đồng.

+ Giá trị xuất khẩu: 20 triệu đồng.

Năm 1981:

+ Lương thực: 850.000 tấn (thu mua 150.000 tấn).

+ Đàn heo: 300.000 con (Nhà nước huy động và nắm ít nhất 20%).

+ Tôm, cá: 20.000 tấn (trong đó 1.000 tấn tôm xuất khẩu).

+ Giá trị sản lượng công nghiệp: 60 triệu đồng.

+ Giá trị xuất khẩu: 30 triệu đồng.

Nông nghiệp được xem là thế mạnh hàng đầu cần phải được tập trung đẩy mạnh phát triển toàn diện, mà trọng tâm là lương thực và thực phẩm để tạo sự phát triển nhanh nhưng vững chắc; cùng với phát triển cây lúa, thì cây màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy hải sản cũng được quan tâm; tận dụng diện tích ao, hồ để nuôi cá, tôm; phong trào thực hiện *"Ao cá Bác Hồ"* được phát động rộng khắp. Phát triển nông nghiệp toàn diện nhằm bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, vừa giải quyết đời sống Nhân dân, vừa làm tốt nghĩa vụ lương thực với cả nước và chi viện cho tỉnh bạn Kompôngspu (Campuchia). Một trong những biện pháp hàng đầu lúc

bấy giờ để thúc đẩy nông nghiệp phát triển là thủy lợi. Công tác thủy lợi phải thích hợp với chế độ nước nổi, với loại cây trồng, phù hợp từng vùng để đi đến chủ động rửa chua, ngăn mặn cho từng cánh đồng.

Hợp tác hóa nông nghiệp tiếp tục được Đại hội II của Đảng bộ tỉnh khẳng định là con đường tất yếu để đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng phải có biện pháp và bước đi phù hợp nhằm phát triển sản xuất, đảm bảo đời sống của Nhân dân; tuân thủ các nguyên tắc: Tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Nắm vững phương châm: Tích cực, nhưng vững chắc (nhấn mạnh vững chắc), tránh nóng vội, chạy theo thời gian, số lượng, gò ép, tiêu cực và làm phiền hà nông dân. Phấn đấu năm 1981, đưa đại bộ phận nông dân vào làm ăn tập thể với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất và thí điểm hợp tác xã. Số còn lại đưa vào tổ đoàn kết sản xuất để cho người nông dân quen dần và khi đã chuẩn bị điều kiện vật chất, kỹ thuật, đội ngũ cán bộ quản lý tốt thì giáo dục, động viên nông dân đi lên tập đoàn sản xuất.

2.3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ III, nhiệm kỳ 1983 - 1986

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ III, nhiệm kỳ 1983 - 1986 được tổ chức tại thị xã Vĩnh Long. Đại hội diễn ra hai vòng, Đại hội vòng 1 thảo luận, đóng góp văn kiện của cấp trên và văn kiện của tỉnh; bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng. Về dự Đại hội có 18 đoàn, với 422 đại biểu, đại diện cho hơn 12.000 đảng viên. Đại hội được tiến hành qua hai vòng. Đại hội vòng 01 họp từ ngày 03/01/1983 đến ngày 09/01/1983.

Sau Đại hội vòng 1, đồng chí Nguyễn Đáng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV, Bí thư Tỉnh ủy cùng đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng diễn ra tại Hà Nội từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982 và được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V.

Đại hội vòng 02 Đảng bộ tỉnh được tiến hành từ ngày 29/3/1983 đến ngày 01/4/1983. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Đại hội vòng 2 thảo luận, bổ sung vào văn kiện Đại hội và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới gồm 43

ủy viên chính thức, 02 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đáng (Năm Trung) Ủy viên Trung ương Đảng khoá V được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Ký Ức, đồng chí Trịnh Văn Lâu được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Trên cơ sở quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược: *"Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"* và bốn mục tiêu mà Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra và thực tế của tỉnh, Đại hội xác định nhiệm vụ chung của nhiệm kỳ 1983 - 1985 là: *"Tiếp tục đẩy mạnh và quyết tâm hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa về nông nghiệp và công thương nghiệp. Tích cực sửa chữa những sai sót về tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội, sử dụng tốt lao động, đất đai và cơ sở vật chất hiện có để phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện dần dần ổn định và nâng cao đời sống của Nhân dân, làm tròn nghĩa vụ với Trung ương; ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp cấp huyện và công - nông nghiệp cấp tỉnh. Phát động phong trào cách mạng của quần chúng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tăng cường quốc phòng, an ninh sẵn sàng đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của địch"*.

Đại hội đề ra 06 nhiệm vụ cụ thể:

Một là, tập trung cao độ cho sản xuất nông nghiệp là thế mạnh hàng đầu của tỉnh, đẩy mạnh phát triển hải sản; ra sức phát triển công thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nâng cao năng lực giao thông vận tải, nhất là vận tải đường thủy. Sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với sản xuất và xây dựng cơ bản. Đi đôi phát triển sản xuất phải tích cực thu mua, nắm nguồn hàng, nhất là nông, hải sản và hàng xuất khẩu; tăng cường mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; giải quyết những vấn đề cấp bách nhất để ổn định và cải thiện đời sống Nhân dân.

Hai là, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành kinh tế, đặc biệt là cải tạo nông nghiệp, đưa đại bộ phận nông dân vào con đường làm ăn tập thể, với hình thức tập đoàn sản xuất là phổ biến và hợp tác xã; trước mắt cần điều chỉnh ruộng đất để đảm bảo cho mỗi người dân đều có ruộng cày, tạo tiền đề cho hợp tác hóa.

Ba là, tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành kinh tế, văn hóa. Xây dựng có trọng điểm để đáp ứng nhu cầu của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và những năm tiếp theo.

Bốn là, tăng cường quốc phòng, an ninh, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến, tích cực, chủ động truy quét địch, không để bạo loạn xảy ra, chủ động ngăn chặn và hạn chế tội phạm hình sự, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm tốt công tác tuyển quân và xây dựng lực lượng dự bị động viên và lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh; chuẩn bị tư thế sẵn sàng chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến.

Năm là, ra sức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng; tích cực xây dựng hệ thống quản lý mới của Trung ương; ứng dụng rộng rãi các thành tựu về khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm vật tư, tiền vốn. Đẩy mạnh hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, thương binh - xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, buôn lậu, đầu cơ và các tệ nạn xã hội khác.

Sáu là, tăng cường công tác xây dựng Đảng, củng cố chuyên chính vô sản. Nâng cao năng lực lãnh đạo và ý chí chiến đấu trong giai đoạn mới của Đảng bộ. Củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng; thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý; tăng cường xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh, nhất là xã, ấp, và đơn vị chiến đấu. Tích cực xây dựng cấp huyện, khẩn trương đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật vừa hồng vừa chuyên để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế trong thời gian tiếp theo.

Tại Đại hội, ngoài Báo cáo chính trị, Đại hội còn thông qua báo cáo chuyên đề *Về xây dựng Đảng*. Đây là lần đầu tiên Đại hội Đảng bộ tỉnh xây dựng báo cáo chuyên đề về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ.

Báo cáo về *Xây dựng Đảng* nêu: Sau gần 08 năm thực hiện nhiệm vụ rất nặng nề lại vừa mới mẻ, vừa phức tạp, trong điều kiện trình độ của cán bộ, đảng viên có hạn, chưa có kinh nghiệm về quản lý kinh tế, nhưng với tinh thần tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại, vừa học vừa làm, khắc phục khó khăn, Đảng bộ đã lãnh đạo phát triển kinh tế tương đối toàn diện trên các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; sự nghiệp văn hóa đạt được nhiều tiến bộ; đời sống của Nhân dân được cải thiện và làm tốt nghĩa vụ đối với Trung ương.

Công tác tổ chức, cán bộ có sự chuyển biến đáng kể theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các Đảng bộ tập trung củng cố các cơ sở đảng, gắn với phát thẻ đảng viên. Đến năm 1983, đã chuyển 100 cơ sở Đảng yếu kém lên khá, 200 cơ sở đảng trung bình chuyển lên toàn diện, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng 1.756 đảng viên thoái hóa, biến chất, đồng thời, qua các phong trào hành động cách mạng đã phát triển 4.070 đảng viên. Song song với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ *(tăng 2-3 lần so với trước)*, bồi dưỡng cơ bản 7 chức danh chủ chốt cấp cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thị xã; trên 2/3 được đào tạo trung cấp lý luận chính trị; hầu hết các đồng chí tỉnh ủy viên đã được đào tạo hoặc bồi dưỡng chương trình cao cấp lý luận chính trị; 1/3 cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh tế; hệ thống chuyên chính vô sản từ tỉnh đến cơ sở được củng cố và kiện toàn, ngày càng phát huy hiệu lực và hiệu quả kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng giai đoạn 1975 - 1983, Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng nhiệm kỳ 1983 - 1985 là: Quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa một cách sâu sắc, nâng cao lập trường tư tưởng giai cấp công nhân, củng cố quan điểm cách mạng triệt để, cách mạng không ngừng, quan điểm phục vụ quần chúng, tư tưởng tự lực vươn lên, chủ động sáng tạo; đi đôi với kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng, nhanh chóng phát triển đội ngũ đảng viên mới, gắn với nâng cao chất lượng đảng viên; khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực trong nội bộ Đảng, làm cho tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, gắn bó với quần chúng, nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu mới, lãnh đạo hoàn thành thắng lợi nghị quyết đại hội. Xem xét, bố trí lại cán bộ theo nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, nhất là cho cải tạo, phát triển nông nghiệp; chú trọng đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ trưởng thành từ phong trào của quần chúng; cán bộ trên đưa về phải có chất lượng và phải ở những ngành thật sự cần thiết. Phấn đấu đến năm 1985 không còn cơ sở Đảng yếu kém, 50% cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh. Nâng chất lượng lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở bằng cách nâng chất lượng ban hành nghị quyết, tổ chức thực hiện nghị quyết và bố trí đúng các chức danh bí thư, chủ tịch. Thông qua các phong trào hành động cách mạng mà chọn người ưu tú, nhất là công nhân, nông dân tập thể, cán bộ kỹ thuật, trí thức, giới nữ, đồng

bào Khmer; giao việc, bồi dưỡng, thử thách để đủ điều kiện kết nạp vào Đảng. Nguồn đào tạo chính là những cán bộ đã kinh qua thực tiễn sản xuất và chiến đấu ở từng địa phương, từng ngành. Tuy nhiên, phải nhìn xa hơn và tạo nguồn dự trữ từ khi tuyển sinh vào các trường Đảng, trường đại học... Không đào tạo tràn lan, hết sức chú trọng cán bộ thành phần công nhân, cán bộ người Khmer và cán bộ nữ. Ngoài quy hoạch cán bộ cho địa phương còn phải quy hoạch cán bộ làm nghĩa vụ quốc tế đối với tỉnh Kompôngspu (Campuchia). Đưa công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, tạo sự chuyển biến từ cấp ủy cấp trên xuống dưới. Công tác xây dựng Đảng phải là công tác của toàn Đảng. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên đều phải có trách nhiệm xây dựng Đảng theo cương vị, chức trách của mình. Các ban chuyên môn có chức năng xây dựng Đảng phải phát huy đúng mức vai trò, trách nhiệm của mình, làm tham mưu tích cực cho cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng.

Ngày 08/4/1984, đồng chí Nguyễn Đáng từ trần, Bộ Chính trị chỉ định đồng chí Nguyễn Ký Ức làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Dương Chí Hoà (Bảy Biển) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 8/1984, đồng chí Trịnh Văn Lâu, Phó Bí thư Tỉnh ủy được Trung ương điều động làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

II. TIẾP TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, CHĂM LO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1976 - 1985)

1. Kinh tế

Thực hiện Nghị quyết các Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, thứ II, thứ III, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế; trong đó, tập trung phát triển nền nông nghiệp toàn diện, mà trọng tâm là cây lúa, nhằm giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói sau chiến tranh. Một trong ba chủ trương lớn Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra ngay sau giải phóng là tích cực khai hoang, phục hóa, để tăng diện tích trồng lúa, kịp thời giải quyết vấn đề lương thực cho Nhân dân trong tỉnh và góp phần cho cả nước. Nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu, trong đó, thủy lợi là khâu rất quan trọng.

Phong trào làm thủy lợi diễn ra rất sôi nổi, hàng trăm ngàn lượt người tham gia đào kênh mới, vét kênh cũ, đắp bờ vùng, bờ thửa, đắp

đập, đê ven biển ngăn mặn; hoàn thành công trình đập Bến Giá ngăn mặn, mở rộng diện tích gieo cấy hàng chục ngàn hecta cho cánh đồng ở Cầu Ngang, Trà Cú; đào kênh thủy lợi dẫn nước ngọt về các huyện thuộc khu vực Trà Vinh thông qua Kênh 3 tháng 2, Kênh 19 tháng 5; xây cống Tầm Phương, đắp đê giải phóng đất cầm thủy vùng Bưng Sẫm, Tầm Vu...xả phèn, cung cấp nước ngọt, mở rộng diện tích gieo cấy cho cánh đồng Châu Thành Đông, Trà Ôn, Bình Minh. Từ năm 1976 đến năm 1980, mỗi năm tỉnh dành đến 40% vốn ngân sách để đầu tư cho sản xuất, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Liên tiếp hai mùa khô năm 1977 và năm 1978, tỉnh huy động với quy mô lớn (trên 70.000 lượt lao động) đào kênh dẫn nước, tưới tiêu, đắp đập, ngăn mặn như đào kênh Trà Ngoa (Trà Ôn), kênh Thống Nhất (Bình Minh), kênh Tỉnh (Vũng Liêm)... Đồng thời, với phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*, tỉnh đã vận động Nhân dân đóng góp trên 8 triệu ngày công, đào đắp trên 18 triệu m^3, với tổng giá trị trên 90 triệu đồng, chiếm từ 50 đến 60% nguồn vốn làm thủy lợi. Sau hơn hai năm, đến đầu năm 1977, toàn tỉnh đã đào vét được 1.110 Km kênh, rạch (với trên 3 triệu m^3 đất), xây dựng 1.371 cống, đập, làm cho 133.853 ha diện tích đất ruộng có nước tưới và xả phèn. Diện tích đất tăng vụ được nâng lên đáng kể. Năm 1976, diện tích đất tăng vụ tăng hơn năm 1975 là 22.900 ha. Năng suất lúa bình quân gần 3 tấn/ha/vụ. Năng suất lúa mùa khoảng 2 tấn/ha.

Trong 10 năm (1976 - 1985), hệ thống thủy lợi đã có những thay đổi quan trọng:

+ Hệ thống kênh trục gồm 12 con kênh với tổng chiều dài 140,1 km, trong đó đào mới 22,5 km, kênh có chiều rộng mặt bằng từ 15 - 40m, với độ sâu 3-4 m.

+ Xây dựng được 6 trạm bơm điện, trong đó 05 trạm có 38 máy bơm loại 1000m^3/giờ, công suất tổng cộng là 1.815 KVA và 1 trạm bơm nhỏ với 4 máy loại 450m^3/giờ, công suất 44 KVA.

+ Xây dựng 41 cống với khẩu độ cửa từ 1,5 - 15m, tổng cộng có 110 m cửa; 04 cống có chiều rộng lớn là Tầm Phương 15m (03 cửa), cống Bến Giá 8m (04 cửa), La Bang 10m (05 cửa), Lạc Hoà 8m (4 cửa), Cầu Xây 6m (03 cửa); 3.347 cống, bộng ngầm, trong đó có 349 cống được xây dựng kiên cố.

+ Xây dựng 4 con đập loại lớn cố định, chiều dài từ 03 - 100m, chiều cao từ 10 - 16 m; 19.737 đập theo mùa với chiều cao từ 02 - 04m. Năm 1983, là năm đắp nhiều đập nhất với 9.987 đập.

+ Tuyến ngăn mặn có 03 tuyến, 02 tuyến ở huyện Cầu Ngang, 01 tuyến ở huyện Duyên Hải với chiều dài 11,5 km.

+ Bờ vùng nội đồng được hình thành trong những năm 1981 - 1985 với tổng chiều dài 2.412,9 km. Kênh mương nội đồng có mặt rộng từ 1,2 - 10m, sâu từ 1-2m, có tổng chiều dài 4.082 km, trong đó đào mới 1.830Km.

Trong 10 năm, tỉnh đã huy động được 24.425.000 ngày công lao động, đào đắp được 41.309.000 m^3 đất. Công tác thuỷ lợi đã làm thay đổi sâu sắc đồng ruộng trong tỉnh, đặc biệt giai đoạn 1981 - 1985, đã tạo điều kiện để khai hoang, thâm canh, chuyển vụ, tăng vụ, tăng nhanh năng suất, sản lượng, đưa nhiều giống mới vào cơ cấu cây trồng và bước đầu kết hợp xây dựng nông thôn mới. Đến năm 1986, có 77.250 ha đất nông nghiệp được thủy lợi hoá ở mức độ thấp.

Tuy nhiên, công tác thủy lợi cũng tồn tại những hạn chế, bất cập, công tác quản lý còn lỏng lẻo, chưa tận dụng hết khả năng phục vụ sản xuất của công trình.

Để phục vụ cho sản xuất và đời sống, tỉnh chỉ đạo huy động lực lượng điều tra thổ nhưỡng, lập bộ giống cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, lập nông trường dừa (Duyên Hải), đề nghị Bộ Quốc phòng hỗ trợ máy bay để lập bản đồ không ảnh, lập cao trình trong toàn tỉnh.

Trong lĩnh vực trồng trọt, có những thay đổi quan trọng về mùa vụ và cơ cấu cây trồng. Công tác giống cây trồng và bảo vệ thực vật được quan tâm. Đến năm 1985, đã bình tuyển được những giống lúa mùa địa phương và giống lúa ngắn ngày IR36 phù hợp với từng vùng sinh thái, có khả năng kháng rầy, kháng sâu bệnh cao. Trên cơ sở đó, khoanh vùng gieo cấy và đề ra các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất giống lúa mùa truyền thống và các giống lúa ngắn ngày cao sản. Hệ thống bảo vệ thực vật phát triển đến cấp xã và tập đoàn sản xuất, bảo đảm được khâu dự báo, cung ứng vật tư và tổ chức phòng, trị bệnh khá hiệu quả. Năm 1975, diện tích đất trồng lúa chủ yếu là lúa mùa, vụ hè thu rất ít,

chưa có vụ đông xuân. Năm 1976, vụ hè thu đã trở nên đại trà. Năm 1980, vụ đông xuân cũng trở nên phổ biến. Đến năm 1984, tập quán trồng một vụ đã bị đẩy lùi; năng suất lúa tăng lên rõ rệt, những vùng lúa cao sản đã được thiết lập trên khắp địa bàn một số huyện như: Long Hồ, Tam Bình, Vũng Liêm, Trà Ôn... đưa năng suất lúa từ 02 tấn/ha (năm 1976) lên 04 tấn/ha (năm 1984). Số lương thực cung cấp cho Nhà nước thông qua thu mua của hệ thống thương nghiệp từ 88.898 tấn năm 1976 tăng lên 244.600 năm 1985 (tăng 275,15%).

Rau màu, vườn cây ăn trái, chăn nuôi được khôi phục và từng bước phát triển. Năm 1985 so với năm 1976, diện tích rau các loại tăng 675,22% (1.499ha/222ha), sản lượng tăng 898,6% (22.822 tấn/2.651 tấn); về đậu các loại tăng 959,5% (1.161ha/121ha), sản lượng tăng 1.059%; số lượng gia súc, gia cầm tăng bình quân từ 130 đến 184%/ năm. Nhằm giải quyết lương thực cho chăn nuôi gia súc, gia cầm giai đoạn này, cây màu lương thực (khoai lang, khoai mì, bắp) phát triển khá nhanh. So sánh năm 1985 với năm 1976 thì diện tích tăng 3,46 lần và sản lượng tăng 3,84 lần. Đến năm 1985, sản lượng lương thực quy lúa đạt 536.463 tấn, tăng 66,48% so với năm 1976, lương thực bình quân đầu người từ 449 kg tăng lên 609 kg, tăng 35,63%. Vừa đảm bảo lương thực đủ ăn và chăn nuôi của Nhân dân tỉnh Cửu Long, vừa làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần cân đối lương thực cả nước.

Cây công nghiệp phát triển khá, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày như: mía, đậu phộng, đậu nành, lác... trong đó cây mía phát triển nhanh nhất. Năm 1985, diện tích cây mía tăng gấp 05 lần và sản lượng tăng hơn 06 lần; giá trị sản lượng cây công nghiệp ngắn ngày tăng gấp 4,5 lần so với năm 1976. Cây ăn trái từng bước được khôi phục. Năm 1978, toàn tỉnh chỉ có 7.376 ha trồng cây ăn trái, đến năm 1985 tăng lên 18.454 ha (tăng 2,5 lần), giá trị sản lượng năm 1985 tăng 21,76% so với năm 1978.

Sự phát triển của chăn nuôi tuy chưa theo kịp và đồng bộ với sự phát triển của trồng trọt và chưa trở thành ngành sản xuất chính, song cũng có những tiến bộ lớn so với thời kỳ trước, nhất là chăn nuôi heo và gia cầm. Để khuyến khích Nhân dân chăn nuôi heo, tỉnh đã chỉ đạo thành lập các trại chăn nuôi từ tỉnh đến các huyện, thị xã để tuyển chọn,

nhân giống và cung cấp giống. Từ đó, đàn heo năm 1976 chỉ có 76.499 con, đến năm 1984 đã tăng lên 131.870 con. Đàn trâu bò năm 1976 là 29.265 con, đến năm 1984 tăng lên 39.329 con. Trong đàn trâu, bò nói trên, số lượng trâu, bò cày, kéo phát triển nhanh, năm 1976 là 13.439 con, năm 1984 là 23.642 con, bình quân đạt 01 con trâu (hoặc bò) cày kéo trên 05 ha gieo trồng. Về sản lượng thịt, chủ yếu là heo, tỉnh đảm bảo phần lớn nhu cầu của Nhân dân trong tỉnh và cung cấp lượng thịt đáng kể cho Nhà nước; năm 1976 cung cấp cho Nhà nước 595 tấn, năm 1984 là 2.978 tấn, tăng gấp 05 lần so năm 1976. Tuy nhiên, chăn nuôi lúc bấy giờ phổ biến là chăn nuôi hộ gia đình, sử dụng phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, quy mô nhỏ, mang tính chất cải thiện đời sống, chưa phải sản xuất hàng hóa.

Phong trào tương trợ nhau trong sản xuất với hình thức các vạn vần đổi công cũng phát triển. Đến năm 1977, toàn tỉnh Cửu Long có đến 2.016 vạn vần đổi công với hơn 474.170 người... Nhằm hỗ trợ cơ giới cho sản xuất, năm 1978, tỉnh thành lập Chi cục máy kéo với 156 máy kéo, 150 máy cày, 209 máy xới. Các nông trường quốc doanh và các huyện đều có trạm máy kéo. Đến năm 1984, gần ½ diện tích canh tác trên địa bàn tỉnh được cày, bừa bằng máy.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp lúc bấy giờ rất nhỏ bé, manh mún, hầu hết ruộng đất do cá thể quản lý, kỹ thuật còn rất lạc hậu, công cụ sản xuất thô sơ, trình độ cơ giới thấp (năm 1976, tỉnh Cửu Long chỉ có 276 máy cày, trong đó 94,5% là của tư nhân). Nếu tính trên diện tích lúa năm 1976 (259.699 ha), bình quân mỗi máy cày phải đảm nhận đến 1.000 ha. Tỷ lệ khâu làm đất bằng cơ giới đạt khoảng 20% diện tích trồng lúa trên toàn tỉnh.

Là tỉnh đồng bằng ven biển, có 65 km bờ biển, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu có điều kiện phát triển ngành thuỷ sản, dựa vào những thuận lợi về tiềm năng đất đai, mặt nước, thời tiết và khí hậu, người dân đã phát triển phong trào nuôi thuỷ sản ở cả ba vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Đến năm 1986, toàn tỉnh có 26.609 ha nuôi thuỷ sản chuyên canh và kết hợp, gồm 18.567 ha ở vùng nước mặn, nước lợ, 8.042 ha ở vùng nước ngọt, trong đó 2/3 hộ nuôi cá, nuôi tôm có ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật; nhiều gia đình vùng đồng láng

huyện Duyên Hải, Trà Cú nuôi tôm kết hợp với trồng lúa. Cùng với nuôi trồng, ngành khai thác đánh bắt thủy hải sản cũng được chú trọng. Năm 1986, phương tiện đánh bắt gồm có 35 tàu đánh bắt tôm, cá từ 22 đến 60 CV của các đơn vị quốc doanh, ngoài ra còn hàng trăm tàu thuyền của hợp tác xã và tư nhân. Ngoài tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản; ngư dân trong tỉnh còn dùng nhiều dụng cụ đánh bắt khác như: Đáy biển (với 2.037 khẩu), đáy sông, rạch (32.291 khẩu); cào biển (103 miệng); te biển (49 giàn)...

Thời gian này Sở Thuỷ sản Cửu Long có Công ty Thuỷ sản xuất khẩu và Công ty Giống nuôi trồng thuỷ sản; 03 nông trường và 03 trại nuôi tôm. Cơ sở vật chất gồm 11 nhà máy, xí nghiệp...[28]. Năm 1986, ngành thủy sản thu mua được 11.297 tấn, trong đó có 3.431 tấn tôm. Ngoài ra, huyện Duyên Hải có trên 200 ha ruộng muối.

Bắt đầu từ năm 1976, tỉnh thực hiện chủ trương điều chỉnh đất đai, xóa bỏ các hình thức bóc lột về ruộng đất ở nông thôn, tổ chức các hình thức làm ăn đoàn kết tương trợ nông dân, chuẩn bị điều kiện để tiến hành cải tạo nông nghiệp một cách toàn diện và triệt để. Tiếp thu Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 14/4/1978 của Bộ Chính trị *"Về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam"*, tháng 6/1978, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 07-NQ/TU *"Về cải tạo nông nghiệp"*. Chủ trương của tỉnh lúc này là tập trung cải tạo nông nghiệp với mục đích là: Xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, một xã hội không có người bóc lột người, tạo ra ngày càng nhiều của cải để không ngừng thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của Nhân dân. Để đạt được mục đích đó ở nông thôn, Tỉnh ủy yêu cầu phải vận động hợp tác hóa nông nghiệp, chuyển từ chủ thể cá thể sang làm chủ tập thể tư liệu sản xuất, bằng hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu.

Thực hiện chủ trương đó, tỉnh chọn xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm (huyện điểm) làm điểm với 02 ấp Hiếu Ngãi và Hiếu Xuân. Đến tháng 7 năm 1978, tỉnh đã xây dựng được 20 tập đoàn sản xuất ở 02 ấp

[28] 03 Nhà máy đông lạnh gồm: nhà máy đông lạnh 19/5, nhà máy đông lạnh 30/4, nhà máy đông lạnh 2/9; 03 nhà máy sản xuất nước đá cây; 02 nhà máy liên doanh chế biến các mặt hàng thuỷ sản khô; 01 nhà máy sản xuất mắm kem, 01 nhà máy mắm ruốc, 01 nhà máy nước mắm, bột cá; hai lò sấy...

điểm, đi vào sản xuất tập thể ở vụ mùa năm 1978. Qua một vụ sản xuất, các tập đoàn này đã thể hiện rõ tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể. Tỉnh tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm và khẳng định hình thức tập đoàn sản xuất là phù hợp, từ đó tiến hành phát động và triển khai ra diện rộng. Trung ương cũng điều động gần 100 cán bộ ở Hải Phòng về hỗ trợ cho tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, mỗi huyện chọn 01 xã điểm, mỗi xã chọn một ấp điểm chỉ đạo xây dựng tập đoàn sản xuất để rút kinh nghiệm và mở rộng nhanh ra diện. Các huyện, thị xã cũng đã thành lập 67 đoàn cán bộ xuống kết hợp với xã, ấp, phát động quần chúng tham gia xây dựng tập đoàn sản xuất gắn với đẩy mạnh các mặt công tác khác tại địa phương. Do sự chỉ đạo có tập trung và được lực lượng trên tăng cường, nên đã động viên thành phong trào hợp tác mạnh mẽ trong toàn tỉnh, số tập đoàn sản xuất được tổ chức với tốc độ nhanh qua mỗi vụ, mỗi năm. Đến vụ mùa 1979, toàn tỉnh đã tổ chức được 3.500 tập đoàn sản xuất, trong đó có 1.151 tập đoàn đi vào sản xuất tập thể và phân phối sản phẩm theo lao động. Nhiều nơi trong vùng có đông đồng bào Khmer cũng đi vào làm ăn tập thể trong năm 1979 này. Từ mô hình tập đoàn 8 ấp Hiếu Ngãi, (xã Hiếu Thành), tỉnh đã nhân lên được 40 tập đoàn sản xuất tiên tiến ở khắp vùng nông thôn trong tỉnh.

Đầu năm 1980, thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU79, ngày 15/12/1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định lại bước đi và hình thức hợp tác, thành lập các liên tập đoàn sản xuất, bổ sung chính sách trả hoa lợi ruộng đất; chính sách để đất làm kinh tế gia đình; chính sách đầu tư, phân phối thu nhập trong tập đoàn sản xuất; củng cố, ổn định sản xuất cho các tập đoàn cũ, phát triển các tập đoàn và tổ đoàn kết sản xuất mới. Cuối năm 1981, quán triệt Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *"Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp"*, Tỉnh ủy chỉ đạo phát triển tập đoàn sản xuất mới gắn liền với thực hiện cơ chế khoán sản phẩm, từng bước điều chỉnh phương pháp quản lý đối với hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, kinh tế nhiều thành phần... tạo điều kiện cho các hợp tác xã tự chủ kinh doanh và đã thuyết phục được nông dân vào tập đoàn sản xuất. Đến năm 1985, tỉnh hoàn thành cơ bản công tác cải tạo nông nghiệp với 12 hợp tác xã,

2.441 tập đoàn, trên 95% đất đai được tập thể hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thủy lợi, thâm canh, tăng vụ.

Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp như: Cày ải, giữ khô đất, làm thủy lợi, sử dụng giống lúa ngắn ngày cho năng suất cao, thực hiện đúng lịch thời vụ và quy trình kỹ thuật cho từng loại cây trồng, phòng trừ sâu bệnh, xây dựng vùng lúa cao sản... Trên cơ sở đó, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, sản lượng lúa và các loại cây trồng. Các liên doanh tập đoàn đã tiến hành được việc hợp tác lao động để làm công trình thủy lợi chung, hợp tác mua sắm máy móc, phát triển ngành nghề... đã tạo điều kiện để phân công lại lao động, mở rộng sản xuất ở nông thôn, nâng cao thu nhập cho nông dân, thực hiện tốt chính sách xã hội ở nông thôn.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cải tạo có những hạn chế, thiếu sót:

+ Xây dựng quan hệ sản xuất chưa phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Thể hiện sự nóng vội, chủ quan duy ý chí, như: Tiến hành tập thể hóa toàn bộ ruộng đất và các tư liệu sản xuất chủ yếu; giao chỉ tiêu gò ép, xem nhẹ tính tự nguyện của người dân; chưa lường hết được những khó khăn, phức tạp và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện... Từ đó, dẫn đến một số địa phương "xé rào" trước khi có khoán 10. Nông dân đòi về đất cũ; nhiều hợp tác xã tín dụng ra đời và huy động vốn với lãi suất rất cao *(hơn 10%, thậm chí 14%/tháng)*. Nhưng do thiếu kinh nghiệm quản lý, nên hợp tác xã tín dụng bị vỡ nợ, không có khả năng chi trả, một số nơi người dân bất bình, biểu tình yêu cầu chính quyền phải giải quyết.

+ Năng lực quản lý, điều hành của cán bộ hợp tác xã, tập đoàn còn yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ quản lý tiêu cực (tham ô, quan liêu, mệnh lệnh) làm giảm lòng tin của Nhân dân, không phát huy được vai trò tích cực của phong trào kinh tế hợp tác.

+ Chậm đổi mới, chấn chỉnh những yếu kém, khuyết điểm.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh sau ngày giải phóng

không đáng kể, với các cơ sở sản xuất gạch ngói, xay xát lúa, sản xuất đường, nước đá, sửa chữa cơ khí nhỏ... Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I xác định: *Ra sức khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp song song với phục hồi và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp"*. Nhiệm vụ năm 1977 - 1978 và phương hướng đến năm 1980 của tỉnh nhấn mạnh: *"Ra sức khôi phục và phát triển sản xuất, trọng tâm là phát triển sản xuất nông nghiệp đi đôi với phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp..."*.

Thực hiện các nghị quyết, kế hoạch nêu trên, đồng thời thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh, tỉnh đã tiến hành trưng thu (quốc hữu hóa) và trưng mua một số cơ sở sản xuất tư nhân, vận động các chủ cơ sở sản xuất tư nhân vào làm ăn tập thể. Tiếp theo, một số xí nghiệp quốc doanh được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng khối lượng hàng hóa phục vụ cho đời sống và làm nòng cốt phát triển công nghiệp. Đến năm 1985, toàn tỉnh có 54 cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh. Một số xí nghiệp mới hình thành đã hoạt động có hiệu quả, như: Xí nghiệp Dược phẩm Cửu Long, Xí nghiệp tu sửa cơ giới, Xí nghiệp Gạch ngói Thái Bình, Xí nghiệp đóng tàu, Xí nghiệp cưa xẻ gỗ, nổi bật là ngành cơ khí. Những cơ sở công nghiệp cơ khí nhỏ được tập trung ở thị xã, thị trấn như Nhà máy cơ khí tỉnh, Trạm bảo hành máy kéo tỉnh, Xí nghiệp sửa chữa ô tô Vũng Liêm, Xưởng Cơ khí Long Hồ, Xưởng Cơ khí Tam Bình... Lúc này, quy mô của ngành cơ khí của tỉnh tuy còn nhỏ và chưa được trang bị hiện đại nhưng đã kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp như: Chế tạo máy canh tác, phụ tùng cho máy cày, máy kéo, thùng tuốt lúa, máy đánh tơ xơ dừa, công cụ lao động cầm tay... nhất là bánh lồng, bánh nồi máy xới phục vụ cho nhiều tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, thùng tuốt lúa cung cấp cho nhiều tỉnh trong cả nước. Các ngành công nghiệp khác như: Chế biến đồ nhựa, chế biến gỗ, thủy tinh... cũng được hình thành và bước đầu phát triển. Một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được đầu tư phát triển như nghề làm gạch ngói, nghề đan đát, chạm khắc gỗ... Trong đó, ngành sản xuất vật liệu xây dựng phát triển hơn cả, tập trung ở thị xã Vĩnh Long và huyện Mang Thít. Năm 1985, ngành công nghiệp ở tỉnh Cửu Long đã có thể

đóng mới xà lan, sửa chữa, kể cả trùng tu, đại tu xe hơi; ngoài ra ngành công nghiệp của tỉnh còn cho ra đời những sản phẩm khác như các loại công cụ cầm tay, hàng nhu yếu phẩm, một số dược phẩm, các loại vật liệu xây dựng, các loại thực phẩm chế biến...

Tuy nhiên, trong 4 năm (1977 - 1980), sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh luôn thiếu nguyên liệu, vật tư, phụ tùng; đặc biệt, nhiên liệu thiếu trầm trọng. Năm 1981, Chính phủ ban hành hai quyết định: Quyết định số 25-CP và Quyết định số 26-CP ngày 21/01/1981, bước đầu xác định quyền tự chủ của cơ sở sản xuất kinh doanh, với chủ trương thực hiện ba phần kế hoạch: Phần Nhà nước giao có vật tư bảo đảm; phần xí nghiệp tự làm và phần sản phẩm phụ; mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh được áp dụng. Sau đó, tỉnh tiếp tục triển khai Quyết định số 64 của Hội đồng Chính phủ *về việc giao nộp sản phẩm, tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp phát triển*. Năm 1983, tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 146-HĐBT ngày 28/8/1982 của Hội đồng Bộ trưởng *về chế độ lương khoán và khoán sản phẩm trong các doanh nghiệp quốc doanh*; đồng thời thực hiện việc phân cấp quản lý ngân sách cho các huyện, thị xã, góp phần đáng kể trong việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở địa phương.

Giai đoạn 1976 - 1980, tốc độ tăng trưởng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân hàng năm là 14,12%, đến giai đoạn 1981 - 1985 là 23,33%. Trong 10 năm (1975 - 1985), tốc độ tăng trưởng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng thấp nhất là 7,84%, cao nhất là 66,35%. Năm 1985, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 7,8 lần so với năm 1976. Trong các ngành sản xuất, ngành chế biến lương thực - thực phẩm tăng trưởng nhanh nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị ngành công nghiệp toàn tỉnh (chiếm 58,76%); kế đến là công nghiệp vật liệu xây dựng chiếm 16,68%; công nghiệp sửa chữa cơ khí chiếm 15,11%; các ngành còn lại chỉ chiếm từ 1 - 3%. Một số sản phẩm công nghiệp phát triển nhanh là dược phẩm (năm 1985 tăng 36 lần so với năm 1976); sản lượng đường chế biến (năm 1984 tăng 8,6 lần so với năm 1977); gạch ngói nung các loại (năm 1985 tăng trên 10 lần so với năm 1976). Đến năm 1985, tỉnh có trên 3.000 cơ sở sản xuất công

nghiệp và tiểu thủ công nghiệp với 21.500 lao động (tăng 5,4 lần so năm 1976). Trong đó, có 54 cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh, thu hút 3.669 lao động, tăng gần 4,4 lần so với năm 1976. Kinh tế tập thể chiếm 36% sản lượng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Ba ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh chiếm đến 90,55% giá trị tổng sản lượng toàn ngành công nghiệp, đó là: Công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, chiếm 58,76%; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 16,68% và công nghiệp sửa chữa cơ khí chiếm tỷ trọng từ 15,11%. Đáng chú ý là công nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đã phát triển mạnh. Từ chỗ chỉ giao nguyên liệu chưa qua sơ chế cho Trung ương, đến năm 1980, có 35,1% sản phẩm thủy sản đã được chế biến (dưới dạng sơ chế), đến năm 1984 là 77,1%. Bên cạnh đó, ngành ép dầu dừa cũng phát triển nhanh, đến năm 1984, sản lượng dầu dừa gấp 6,6 lần so với năm 1976, đạt 1.799 tấn. Sản lượng dầu dừa đã đáp ứng cho sản xuất công nghiệp tại chỗ và cho xuất khẩu. Ngành chế biến đường năm 1984 sản lượng tăng 8,6 lần so năm 1977. Đối với ngành sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói), sản lượng năm 1985 tăng hơn 10 lần so năm 1976 và đạt 74.330 viên. Công nghiệp dược phẩm cũng phát triển nhanh, năm 1985, sản lượng tăng gần 36 lần so năm 1976[29].

Trong thời kỳ này, do quan điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa, tất cả chỉ có quốc doanh và tập thể sản xuất, sự phát triển của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn mang tính dàn trải, đầu tư tràn lan và trình độ quản lý chưa cao đã phần nào hạn chế sự năng động, sáng tạo trong các hoạt động kinh tế cơ sở; trang thiết bị lạc hậu, đầu tư chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao, có phần lãng phí. Do chưa chú ý đúng mức đến các yếu tố sản xuất và nguồn nguyên liệu, thị trường dẫn đến sự cạnh tranh giữa các huyện với nhau, giữa tỉnh và huyện trong việc thu mua nguyên liệu cũng như trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, phân phối lưu thông. Đi đôi với phát triển sản xuất, tỉnh rất coi trọng lĩnh vực phân phối lưu thông mà trọng tâm là cải tạo công thương nghiệp tư doanh, sắp xếp và tổ chức lại thị trường, phát triển hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cả nội

[29] Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long: Sđd, trang 491.

thương và ngoại thương để nắm và sử dụng hàng hoá, tiền tệ theo kế hoạch, phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống Nhân dân.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, ngành thương nghiệp và dịch vụ tỉnh Cửu Long từng bước hình thành. Trong hai năm 1975 - 1976, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Cửu Long đã triển khai hai đợt chiến dịch xoá bỏ tư sản mại bản (cuối năm 1975 và cuối năm 1976), đã chuyển một phần thương nghiệp sang sản xuất. Những người buôn bán được cấp giấy phép hành nghề, tiến hành các hoạt động kinh doanh dưới sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước.

Cuối năm 1975, tổ chức thương nghiệp mới được xác lập với sự ra đời của Ty Thương nghiệp, lúc đầu có 3 công ty trực thuộc[30]. Nhiệm vụ trước mắt thực hiện nhiệm vụ là quản lý hành chính và phân phối hàng nhu yếu phẩm cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang. Giữa năm 1976, Trường Nghiệp vụ thương nghiệp ra đời để đào tạo cán bộ, nhân viên thương nghiệp phục vụ xã hội. Cuối năm 1976, Công ty ăn uống, khách sạn được thành lập. Đầu năm 1977, Ty Thương nghiệp xây dựng mạng lưới thương nghiệp mở rộng, thực hiện các hoạt động bán lẻ và thu mua ủy thác cho thương nghiệp quốc doanh. Đến năm 1978, tất cả các xã, phường đều có Hợp tác xã mua bán. Đến năm 1980, cấp tỉnh có 5 công ty thương nghiệp; mỗi huyện có một công ty thương nghiệp; số lượng các quầy mua bán hàng ngày một tăng và được tổ chức ngay trong từng khóm, ấp, trung bình 10.000 dân có 2,2 quầy hàng. Năm 1985, số lao động trong ngành thương nghiệp tăng gấp 5 lần so với năm 1976. Trung bình cứ 10.000 dân có 35 lao động thương nghiệp và được bổ sung từ nhiều nguồn.

Năm 1985, do chế độ phân phối lưu thông, cơ chế một giá chưa phù hợp, sản xuất không đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống, Nhà nước thu mua sản phẩm khó khăn vì giá thấp. Nhà nước bán giá rẻ nhưng chưa đáp ứng được sản xuất và tiêu dùng. Vì vậy, ngành thương nghiệp thay đổi phương thức mua bán, bên cạnh hàng hoá có định lượng được phân phối theo giá cung cấp, còn có hàng hoá được bán theo giá

[30] Gồm: Công ty Công nghệ phẩm, Công ty Nông sản thực phẩm và Công ty Vật liệu xây dựng.

kinh doanh tuỳ thuộc vào nhu cầu của người tiêu dùng. Một số kẻ đã lợi dụng tình trạng đó gây ra đợt khan hiếm giả tạo hàng tiêu dùng, đẩy giá cả tăng vọt vào năm 1984 - 1985. Để khắc phục tình trạng đó, ngành nội thương của tỉnh đã thực hiện phương thức mua bán theo cơ chế giá linh hoạt hơn, đó là *"thuận mua, vừa bán"*. Đây chính là tín hiệu về một cơ chế mới - Cơ chế thị trường.

Trong hoàn cảnh cụ thể của tình hình kinh tế - xã hội lúc đó, những chủ trương và biện pháp của Đảng và Nhà nước trong quản lý kinh tế kể trên đã đem lại những kết quả nhất định, thị trường dần ổn định.

Chủ trương cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh nhằm mục đích góp phần đẩy mạnh sản xuất và nâng cao đời sống Nhân dân, nhưng trong thực hiện lại cải tạo theo kiểu "xoá bỏ", chưa chú ý đến việc xây dựng và quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh tốt hơn, hiệu quả hơn. Do nóng vội, chủ quan đã dẫn tới hậu quả: Dẹp hết các cơ sở công thương tư doanh và cá thể, xây dựng cơ sở sản xuất quốc doanh và hợp tác xã mua bán, người có vốn và kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh thì không hoạt động được, người chưa có kinh nghiệm lại chỉ huy, quản lý sản xuất kinh doanh... Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp theo một giá thống nhất dẫn tới:

+ Giá kế hoạch thoát ly giá thị trường và thấp xa so thực tế, làm cho thị trường có hai giá: Giá Nhà nước và giá thoả thuận ngầm trong Nhân dân.

+ Vật tư phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng của Nhà nước quản lý giá rẻ nhưng khan hiếm, phải phân phối theo tem phiếu, nhà nước thu mua hàng hoá và nông sản thực phẩm giá quá rẻ làm cho nông dân không hài lòng dẫn đến phải huy động lực lượng đi vận động, thuyết phục, thậm chí cưỡng ép thu mua; làm cho mối quan hệ giữa Nhà nước với nông dân bị rạn nứt, nông dân phàn nàn *"bán như cho, mua như giựt"* mà không dễ gì mua của Nhà nước nhưng lại bị bắt buộc phải bán nông sản cho Nhà nước. Hệ thống tổ chức và cách thức hoạt động của ngành thương nghiệp còn bất cập, đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức; chưa kịp thời xử lý những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, thoái hoá, biến chất... gây bất bình trong Nhân dân.

Song song với nội thương, các hoạt động xuất nhập khẩu cũng sớm được quan tâm phát triển. Năm 1976, Công ty Liên kết xuất nhập khẩu tỉnh Cửu Long được thành lập. Mạng lưới hoạt động của công ty là các bộ phận cung ứng hàng xuất khẩu ở các huyện và thị xã. Vào năm 1983 - 1984, Công ty Liên kết xuất nhập khẩu tỉnh Cửu Long đã tiến hành trực tiếp buôn bán với một số nước và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 1985, giá trị hàng xuất khẩu của tỉnh tăng gấp 3,4 lần so năm 1981[31]. So với tình hình chung thì còn rất khiêm tốn, chỉ bằng 10,38% tổng giá trị xuất khẩu của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng đó là một tín hiệu phát triển đáng mừng. Những mặt hàng xuất khẩu của tỉnh ở giai đoạn này gồm có: Nông sản thực phẩm, thuỷ hải sản, rau quả và gia vị, hàng thủ công mỹ nghệ, dược liệu... Năm 1984, hàng nông sản thực phẩm chiếm 77% tổng kim ngạch xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Liên Xô và Đông Âu. Hàng xuất khẩu giai đoạn này thường ở dạng nguyên liệu thô hoặc chỉ qua sơ chế (chiếm 77%).

Từ năm 1975 - 1979, tỉnh chưa thành lập cơ quan hoạt động về du lịch nhưng những hoạt động có tính chất du lịch vẫn diễn ra do nhu cầu thăm viếng, tham quan, giải trí, tìm hiểu cảnh vật, con người Cửu Long, như: Các tổ chức phi chính phủ, các đoàn khách quốc tế, đặc biệt là các đoàn khách từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Lào, Cu Ba... đến Cửu Long làm việc, tham quan các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông trường trồng lúa, dừa, các công trình thủy lợi; các đoàn Nghệ thuật của các nước Cộng hoà thuộc Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đến biểu diễn, giao lưu văn hoá - nghệ thuật; các đoàn khách từ các tỉnh, thành trong nước đến tham quan, học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; sinh viên các trường đại học, cao đẳng đến thực tập... Bên cạnh các đoàn khách đến, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành tổ chức cho cán bộ, gia đình liệt sĩ, thương binh, cán bộ lão thành, cán bộ hưu trí... đi tham quan ở các công trình xây dựng lớn của đất nước như Thủy điện Thác Mơ, công trình dầu khí Vũng Tàu, tham quan địa đạo Củ Chi, Dinh Thống

[31] Năm 1981 giá trị xuất khẩu chỉ đạt 1,264 triệu USD - quy đổi từ đồng rúp, thì đến năm 1985 đạt 4,247 triệu USD.

Nhất, Nhà sàn Bác Hồ, viếng Lăng Bác hoặc đi tham quan, nghỉ dưỡng ở Vũng Tàu, Đà Lạt, Nha Trang...

Ngày 07/5/1979, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Công ty Du lịch. Đây là một trong những lĩnh vực hoạt động mới mẻ trên địa bàn tỉnh. Lúc đầu ngành du lịch chỉ tập trung vào các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh hàng hoá bán buôn, chưa có kinh nghiệm khai thác những tiềm năng du lịch ở địa phương. Những năm sau đó mới tiến hành kinh doanh tổng hợp, bao gồm: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vận chuyển, hướng dẫn du lịch, kinh doanh tổng hợp xuất nhập khẩu và liên doanh, liên kết đầu tư... với quy mô ngày càng lớn. Ngành du lịch luôn chứng tỏ ưu thế, thể hiện qua việc nộp ngân sách Nhà nước hàng năm đều tăng từ 20 đến 50%[32].

Những năm đầu giải phóng, nguồn thu ngân sách là các loại thuế cũ của chính quyền Sài Gòn trên cơ sở xoá bỏ một số loại thuế phản tiến bộ và sửa đổi, bổ sung để thích ứng với điều kiện đất nước thống nhất. Nhà nước cải tiến một số loại thuế cũ như thuế lợi tức, thuế môn bài, thuế thổ trạch, thuế trước bạ ...và thu quốc doanh. Tiếp theo đó, cả nước áp dụng hệ thống pháp luật thuế thống nhất. Trong thời kỳ này, nguồn thu của ngân sách tỉnh chủ yếu là thu từ các doanh nghiệp nhà nước, thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh và thuế nông nghiệp. Nguồn thu tại địa phương một phần được điều tiết Trung ương theo tỷ lệ quy định đối với một số nguồn. Ngoài nguồn thu được để lại, hàng năm ngân sách tỉnh còn được Trung ương trợ cấp một khoản không nhỏ. Tổng thu ngân sách trong 10 năm (1976 - 1985) là 3.434.254 ngàn đồng[33]. Với tổng thu đó, ngân sách tỉnh được hưởng 2.536.544 ngàn đồng, chiếm 73,86% tổng thu.

Đóng góp lớn nhất cho tổng thu ngân sách 10 năm (1976 - 1985) là thu từ xí nghiệp quốc doanh với 1.361.103 ngàn đồng (chiếm 39,63%) và tỷ trọng này tăng từ 13,16% tổng thu năm 1976 lên 51,2% tổng thu năm 1985 cùng với mở rộng mạng lưới doanh nghiệp quốc doanh. Thu

[32] Năm 1979, nộp ngân sách nhà nước 55.000 đồng, năm 1986 là 830.000 đồng.

[33] Trong đó, thu do Trung ương trợ cấp là 204.005 ngàn đồng (chiếm 5,95%); thu kết dư là 79.054 ngàn đồng, chiếm 2,3%.

thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh là 787.386 ngàn đồng (chiếm 22,92%); thu thuế nông nghiệp là 547.852 ngàn đồng (chiếm 15,59%); thu sự nghiệp và thu khác là 377.035 ngàn đồng (chiếm 10,98%).

Chi ngân sách của tỉnh tập trung chủ yếu chi cho khôi phục kinh tế - xã hội sau chiến tranh, cho quản lý hành chính, sự nghiệp, đầu tư xây dựng hạ tầng, cấp vốn lưu động cho các doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý. Ngoài ra, thời kỳ này thực hiện chế độ bao cấp, nên các mặt hàng thiết yếu phân phối cho cán bộ, công nhân viên với giá thấp và chênh lệch giữa giá mua - giá bán được cấp bù từ ngân sách địa phương. Chi bù lỗ, trợ giá còn bao gồm cả chi bù lỗ và trợ giá cho các doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý. Tổng chi ngân sách trên địa bàn tỉnh 10 năm (1976 - 1985) là 2.180.694 ngàn đồng[34].

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ngân hàng nhà nước, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng tín dụng và hỗ trợ công tác tiền tệ, tăng cường thu hút tiền về, việc quản lý và huy động vốn từ năm 1976 đến năm 1985 của ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả quan trọng, năm 1976, huy động được 3,72 triệu đồng, đến năm 1984 là 286,45 triệu đồng, tăng 77 lần. Thực hiện Quyết định 32/CP ngày 11/02/1977 *về cải tiến và mở rộng tín dụng ngân hàng*, vốn tín dụng tập trung cho vay vốn lưu động thành phần kinh tế quốc doanh là chủ yếu và cho vay đầu tư xây dựng cơ bản. Dư nợ tăng nhanh, năm 1976 là 94 triệu đồng, đến năm 1984 đã đạt 18.339 triệu đồng, tăng 195 lần so năm 1976.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Một trong những thành tựu quan trọng của tỉnh trong giai đoạn 1976 đến 1986 là việc đưa điện cao thế về vùng nông thôn. Năm 1975, lưới điện chỉ có ở nội ô thị xã Vĩnh Long, thị xã Trà Vinh; tại trung tâm một số huyện lỵ chỉ có một máy phát điện diésel và phát điện mỗi tối chỉ vài giờ, tổng chiều dài lưới điện khoảng 33,716 Km, tổng dung lượng các trạm biến thế 4521 KW. Đến năm

[34] Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản 331.845 ngàn đồng (chiếm 15,22%) tổng chi ngân sách; chi cấp vốn lưu động 163.466 ngàn đồng (chiếm 7,5%); chi bù lỗ, trợ giá 18.731 ngàn đồng (chiếm 0,86%); chi hành chính sự nghiệp 1.067.822 ngàn đồng (chiếm 48,97%), trong đó chi sự nghiệp kinh tế 293.519 ngàn đồng, chi sự nghiệp văn xã 525.458 ngàn đồng, chi quản lý hành chính 248.845 ngàn đồng.

1977, lưới điện cao thế về đến huyện Long Hồ và Tam Bình; năm 1979 về đến huyện Trà Ôn; năm 1980 về đến huyện Vũng Liêm; năm 1984 về đến huyện Mang Thít và đến năm 1986 về đến huyện Càng Long, huyện Châu Thành. Một số huyện đã đầu tư đưa lưới điện về xã; một số xã có đường dây cao thế đi qua được đầu tư xây dựng trạm hạ thế để phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Về giao thông, sau ngày giải phóng, đường giao thông phần trục chính và các cầu lớn rất yếu, đường về một số huyện hầu như bị tê liệt, phần lớn các xã thiếu hệ thống giao thông; toàn tỉnh có 843 km đường các loại (trong đó, quốc lộ 39 km; đường cấp 1 rải nhựa 190 km; đường cấp 2 rải đá 493 km; tỉnh lộ 378 km; hương lộ 426 km; đường nông thôn 160 km) phần lớn đường đã hư hỏng; hệ thống cầu trong tỉnh có 129 chiếc (phần lớn là cầu sắt, lót ván gỗ) được xây dựng lâu đời và hư hỏng nặng. Về vận tải, tỉnh chung toàn tỉnh xe vận tải nặng và nhẹ có 436 chiếc, xe vận tải hành khách cả xe lam ba bánh có 889 chiếc và trên 1.000 xe lôi các loại; về giao thông thuỷ, tàu ghe chở hàng hoá và chở khách có 446 chiếc lớn nhỏ.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (vòng 02) đề ra nhiệm vụ của ngành giao thông vận tải: *"...bảo đảm yêu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của Nhân dân....phải tu sửa hoàn chỉnh hệ thống giao thông sẵn có trong tỉnh..."*. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngành giao thông đã tập trung đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn bằng nhiều hình thức khác nhau: tiến hành trải thảm bê tông nhựa hàng chục km và nâng cấp hàng trăm km đường tỉnh, xây dựng 15 cầu bằng bê tông, đại tu hàng loạt cầu sắt trên các đường tỉnh. Đến năm 1986, hệ thống giao thông của tỉnh được nâng lên với tổng chiều dài 976 km[35]; phong trào toàn dân xây dựng và phát triển giao thông được thực hiện tốt ở một số huyện: Bình Minh, Tiểu Cần, Trà Cú, Trà Ôn, Duyên Hải. Bên cạnh, giao thông bộ, tỉnh Cửu Long có thế mạnh về giao thông thủy, với nhiều tuyến sông sâu và rộng, ngoài ra tỉnh còn có 65 km bờ biển, có khả năng khai thác vận tải bằng đường thuỷ nội địa và đường

[35] Trong đó, quốc lộ 39 Km, đường cấp 1 rải nhựa 90 Km; đường cấp 2 rải đá 547 Km; tỉnh lộ 390 Km; hương lộ 547 Km; đường nông thôn 330 Km.

biển, tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh phát triển phương tiện vận tải thủy, lấy vận tải thủy làm mạch máu giao thông chủ yếu, từ đó khối lượng vận chuyển đường thủy tăng nhanh, tốc độ tăng bình quân hàng năm về hàng hoá lưu chuyển bằng đường thủy từ 17,9% giai đoạn 1976 - 1980 lên 47,05% giai đoạn 1981 - 1985.

Về vận tải, năm 1976 vận tải hàng hoá đạt 261.000 tấn và vận tải hành khách đạt 8.120.000 người; năm 1986, vận tải hàng hoá đạt 633.600 tấn và vận tải hành khách đạt 15.591.000 người.

Tuy nhiên, do ngân sách hạn chế nên việc đầu tư giao thông chưa đồng bộ, nhiều cầu đường, luồng lạch đã xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa, nâng cấp kịp thời, nhiều tuyến giao thông bị ách tắt, nhất là trong mùa mưa; chưa đáp ứng tốt cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và đi lại, vận chuyển của người dân.

Ngành Bưu điện tỉnh Cửu Long được thành lập trên cơ sở sáp nhập ngành giao bưu và ngành thông tin vô tuyến ngay sau ngày miền Nam giải phóng. Cơ sở vật chất kỹ thuật rất hạn chế[36]. Sau gần 10 năm xây dựng và phát triển, Bưu điện tỉnh đã đủ khả năng phục vụ nhu cầu xã hội, tất cả các huyện, thị xã đều có tổng đài dung lượng gần 3.000 số, trong đó trên 2.000 số tự động (chiếm gần 70%); số thuê bao điện thoại đạt 7.809 máy. Hệ thống thông tin điện thoại đường dài phục vụ tới tất cả các huyện, thị xã, các khu vực và khoảng 20% số xã trong tỉnh bằng các thiết bị thông tin có chất lượng từ trung bình đến cao. Thông tin điện báo đến tất cả các xã và ngày càng phát triển theo chiều sâu chất lượng.

2. Văn hóa - xã hội

Cùng với việc xây dựng chính quyền để quản lý và tổ chức xã hội mới, cuộc đấu tranh chống những tàn dư văn hóa thực dân mới và những hiện tượng văn hóa không lành mạnh được triển khai nhanh chóng sau ngày giải phóng. Một trong những giải pháp đầu tiên được thực hiện là chống tàng trữ, lưu hành các văn hóa phẩm có nội dung đồi trụy, phản

[36] Chỉ có 01 tổng đài tự động dung lượng 160 số với hơn 80 thuê bao ở thị xã Vĩnh Long; 01 tổng đài nhân công 140 số với 60 thuê bao ở thị xã Trà Vinh; 02 nhà khai thác tại hai thị xã; hệ thống vi ba, Jer 01 liên lạc Vĩnh Long - Sài Gòn - Cần Thơ và 01 hệ thống Farinon liên lạc Vĩnh Long - Sa Đéc, Trà Vinh - Sài Gòn.

động của chế độ cũ. Chính quyền cách mạng quản lý tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, truyền thanh, nhà in, nhà xuất bản, thư viện, trường nghệ thuật, rạp chiếu phim, rạp hát...

Bên cạnh các biện pháp kiên quyết nhằm xóa bỏ những tàn dư văn hóa thực dân mới, việc xây dựng con người mới từng bước thực hiện và trở thành nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của tỉnh.

Từ năm 1980, cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới đã lan toả rộng rãi trong xã hội thông qua các phong trào, các cuộc vận động như: *"Tham gia tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới"; Người phụ nữ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"; "Thanh niên xung phong làm chủ tập thể"; Gia đình an toàn, xã hội trật tự"*... Đến năm 1985, toàn tỉnh có 55.000/220.000 hộ đăng ký thực hiện gia đình văn hoá mới. Cuối năm 1985, toàn tỉnh đã công nhận 8.500 hộ đạt chuẩn gia đình văn hoá. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá mới giai đoạn này góp phần xây dựng môi trường văn hoá mới, hình thành phong cách lao động mới, giảm dần các tập tục lạc hậu, bài trừ mê tín dị đoan.

Các hoạt động văn hoá - nghệ thuật có nhiều hoạt động khá sôi nổi, tập trung phục vụ nhiệm vụ chính trị và do Nhà nước bao cấp. Giai đoạn này, toàn tỉnh có 06 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, gồm 03 đoàn của Nhà nước, gồm: Đoàn Nghệ thuật Tổng hợp, Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh và Đoàn Cải lương Cửu Long và 03 đoàn của tập thể: Đoàn Cải lương Phù Sa, Đoàn Tiến ca sông Cửu Long và Đoàn hát bội Đồng Thinh. Các đoàn thường xuyên lưu diễn trên địa bàn tỉnh, tập trung ở vùng nông thôn, vùng kháng chiến cũ. Phong trào văn nghệ quần chúng khá phát triển với hơn 390 đội văn nghệ của các xã, phường, cơ quan, xí nghiệp, kinh phí hoạt động chủ yếu do cơ quan tài trợ, với phương châm *"cây nhà, lá vườn"*, văn nghệ phục vụ quần chúng, phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Giai đoạn 1976 - 1985 là thời kỳ vàng son của ngành điện ảnh. Kế thừa các đội chiếu phim hình thành trong kháng chiến, được bổ sung thêm các trang thiết bị kỹ thuật mới do Liên Xô tài trợ, lượng phim tương đối dồi dào, chất lượng tốt nên điện ảnh được quần chúng đón

nhận nồng nhiệt. Công ty Điện ảnh có 42 đội chiếu phim lưu động, thực hiện hàng nghìn buổi chiếu mỗi năm. Năm 1979, công ty tổ chức được 1.620 buổi chiếu, phục vụ 750.000 lượt người xem; năm 1984 tăng lên 6.400 buổi chiếu, phục vụ 3.100.000 lượt người xem.

Hoạt động thư viện được hình thành và phát triển. Thời gian đầu, thư viện tỉnh chỉ có một phòng đọc sách được tiếp quản từ chế độ cũ, với 15.000 bản sách; sau đó được bổ sung thêm 45 loại báo, tạp chí. Giai đoạn 1980 -1985, thư viện tỉnh có thêm 01 phòng đọc và 01 phòng mượn; số sách tăng lên 18.000 bản, 98 loại báo, tạp chí; cấp 3.000 thẻ bạn đọc; luân chuyển 72.000 lượt sách, phục vụ 34.000 lượt bạn đọc.

Về lĩnh vực thể dục, thể thao, cơ sở vật chất thể thao tiếp quản từ chế độ cũ chỉ có 01 nhà thi đấu đa năng, hồ bơi lặn 25m, sân bóng đá. Từ năm 1977 trở đi, hàng năm tỉnh tổ chức từ 05 đến 06 cuộc thi đấu thể thao cấp tỉnh với các môn thể thao phổ biến lúc bấy giờ như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ. Tháng 10/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập Trường Thể dục thể thao có chức năng đào tạo cán bộ thể dục - thể thao cho tỉnh và đào tạo năng khiếu thể thao với các bộ môn: Bóng đá, bóng chuyền, điền kinh. Vận động viên của tỉnh tham dự thi đấu các giải thể thao toàn quốc đã đạt thành tích tốt với 14 huy chương các loại. Đặc biệt, tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ I tổ chức ở Hà Nội, đoàn thể thao của tỉnh giành được 01 huy chương bạc, 02 huy chương đồng ở nội dung cầu lông và bóng chuyền nam. Số người luyện tập thể dục thể thao chiếm 1,63% dân số.

Trên lĩnh vực giáo dục, hệ thống giáo dục được thiết lập ngay sau ngày giải phóng, bao gồm các bậc học mẫu giáo, phổ thông và chuyên nghiệp.

Bậc học mẫu giáo phát triển tương đối nhanh: từ 32 lớp (năm 1975) đã tăng lên 417 lớp vào năm học 1984 - 1985. Số cháu vào học mẫu giáo mỗi năm mỗi tăng. Năm học 1976 - 1977, có 2.228 cháu; đến năm học 1984 - 1985, có 12.469 cháu, tăng gần 6 lần. Trường, lớp được xây dựng hầu hết ở các huyện, thị xã, xã, phường. Mặc dù, số trường, lớp vào thời điểm năm học 1984 - 1985 chưa theo kịp với nhu cầu phát triển, nhưng so với những năm đầu mới giải phóng thì đây là một thành tích rất đáng trân trọng của bậc mẫu giáo trong tỉnh.

Bậc học phổ thông, được cải tạo, mở rộng mạng lưới trường lớp, huy động trẻ từ 6 - 10 tuổi vào cấp I, phát triển học sinh cấp II, cấp III, xây dựng trường, lớp *(đa phần bằng tre, lá)* đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Năm học 1984 - 1985, tỉnh đã xây dựng được mạng lưới trường học cấp II và III, với 178 trường cấp II, 4.753 lớp, 5.625 giáo viên, 181.405 học sinh; 09 trường cấp III, 214 lớp, 412 giáo viên và 10.435 học sinh.

Các trường dạy nghề, trường đào tạo trình độ trung học, cao đẳng, đại học cũng được thành lập ngay sau ngày giải phóng. Về bậc trung học chuyên nghiệp, năm 1976 trên địa bàn tỉnh có 03 trường, đến năm 1985 tăng lên 07 trường, đào tạo cán bộ cho tỉnh và các tỉnh bạn. Năm học 1984 - 1985, 07 trường này có 170 giáo viên với 3.902 học sinh. Trường Đại học tại chức cũng được thành lập, đào tạo cán bộ và học viên hai tỉnh Cửu Long và Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Sư phạm chủ yếu đào tạo giáo viên cho tỉnh. Hai trường này có 102 giáo viên, 1.212 học viên. Bên cạnh đó, một số trường trung cấp như: Trường Xây dựng miền Tây, Trường Lương thực III, Trường Sư phạm Kỹ thuật IV... do các bộ, ngành Trung ương quản lý cũng được thành lập trên địa bàn tỉnh để đào tạo cán bộ cho các tỉnh trong vùng.

Cùng với việc củng cố, phát triển giáo dục phổ thông và dạy nghề, ngay từ những ngày đầu mới giải phóng, việc xóa mù chữ và bổ túc văn hóa được chú trọng, nhất là xóa mù chữ. Các lớp bình dân học vụ được thành lập khắp nơi, do giáo viên các trường phổ thông, cán bộ địa phương và cả học sinh cấp II và cấp III đảm nhận. Xóa mù chữ đã trở thành một phong trào sôi nổi của quần chúng; chỉ trong một thời gian ngắn, từ cuối năm 1975 đến năm 1977, đã xóa mù chữ được 75,7% số người mù chữ trong tỉnh. Đồng thời, tỉnh tổ chức các lớp bổ túc văn hóa dưới các hình thức tập trung ngắn ngày; xây dựng 02 trường bổ túc văn hóa tập trung của tỉnh[37]; 07 trường bổ túc văn hóa ở các huyện, thị xã và nhiều lớp bổ túc văn hóa trong Nhân dân ở các phường, xã. Số người học bổ túc văn hóa mỗi năm mỗi tăng. Năm học 1984 - 1985, có gần 4.000 người theo học các lớp bổ túc văn hóa.

[37] Trường Bổ túc công nông, đào tạo con em cán bộ. Trường Bổ túc văn hóa, nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên.

Mười năm sau ngày giải phóng, sự nghiệp giáo dục ở tỉnh Cửu Long có bước phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng; phát triển về ngành học, trường lớp, số lượng học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nâng cao nội dung tư tưởng - chính trị góp phần nâng cao dân trí cho Nhân dân. Đó là một thành tựu lớn.

Tuy nhiên, đến năm 1985, giáo dục của tỉnh vẫn còn một số hạn chế, như: Chất lượng giáo dục còn thấp; cơ sở vật chất còn nghèo nàn chưa đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học; nhiều trường lớp học sinh phải học 3 - 4 ca một ngày.

Tỉnh đã đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân cả ở thị xã, huyện, phường, xã và ấp, khóm. Nhiều bệnh viện, trạm y tế, nhà hộ sinh, cửa hàng bán thuốc, xí nghiệp bào chế dược liệu được nâng cấp và xây dựng mới. Củng cố và mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh với quy mô 506 giường bệnh. Xây dựng và củng cố bệnh viện ở 07 huyện, thị xã; trong đó có hai trung tâm điều trị theo phương pháp kết hợp đông - tây y. Thành lập các cơ sở phòng chống các bệnh xã hội (lao, phong, sốt rét); tổ chức mạng lưới các đơn vị chuyên khoa, như: Vệ sinh phòng dịch, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, kiểm nghiệm dược phẩm... Đến năm 1985, các xã đều có trạm y tế; các huyện, thị xã có trung tâm y tế; toàn tỉnh có 08 bệnh viện *(01 bệnh viện tỉnh, 07 bệnh viện huyện, thị xã)*, với 1.480 giường bệnh và 497 y sĩ, bác sĩ, cán bộ và nhân viên y tế; cơ bản đáp ứng được yêu cầu khám, điều trị bệnh của Nhân dân. Công tác phòng và chữa bệnh bằng y học cổ truyền, trồng và chế biến và trị bệnh bằng thuốc nam... được phát triển tốt. Ý thức của người dân đối với công tác vệ sinh phòng bệnh được nâng lên.

Xây dựng và phát triển Công ty Dược - Vật tư y tế, đảm bảo nhu cầu cơ bản về thuốc trị bệnh thông thường các loại trong tỉnh. Hoạt động sản xuất và lưu thông phân phối thuốc được tổ chức hoàn chỉnh từ tỉnh đến các địa phương.

Công tác đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ y tế ở cả ba tuyến được chú ý thường xuyên. Từ năm 1975 đến năm 1985, đội ngũ cán bộ y tế tăng cả về số lượng và chất lượng. Năm 1976, toàn tỉnh chỉ có 27 bác sĩ, trong tổng số 641 cán bộ y tế của tỉnh (0,38 bác sĩ/vạn dân); năm 1985,

tăng lên 65 bác sĩ (trong tổng số 1.289 cán bộ y tế), tăng gấp 4 lần so năm 1976. Số dược sĩ cao cấp cũng tăng lên; năm 1976, chỉ có 6 người trong tổng số 70 cán bộ y dược, năm 1985, có 27 người trong tổng số 304 cán bộ y dược, tăng gấp 4,6 lần so với năm 1976.

Tuy nhiên, việc đào tạo cán bộ y tế chưa đồng bộ, còn chậm so với yêu cầu; 05 trong số 07 bệnh viện huyện chưa có bác sĩ, dược sĩ cao cấp, một số xã chưa có nữ hộ sinh, việc đỡ đẻ vẫn còn có sự tham gia của các bà mụ vườn. Cơ sở vật chất của ngành y tế từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu thốn, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu...

Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, đặc biệt là công tác kế hoạch hoá gia đình được chú trọng nhằm giảm tỷ lệ gia tăng dân số, bảo vệ tốt sức khoẻ cho bà mẹ, chăm sóc tốt cho trẻ em. Từ đó tỷ lệ tăng dân số giảm dần.

Do hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại, số người không có việc làm trong tỉnh luôn ở mức cao *(hàng chục ngàn người)*. Trước tình hình đó, tỉnh chủ trương vận động Nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở trong và ngoài tỉnh; phục hồi, mở rộng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm cho người lao động; tuyển dụng lao động vào làm việc trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh và hệ thống cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Giai đoạn 1976 - 1985, bình quân mỗi năm, tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 8.000 -10.000 lao động.

Tập trung chỉ đạo giải quyết chế độ chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, như: Tiếp tục điều tra, thống kê, lập hồ sơ công nhận thương binh, liệt sĩ. Năm 1977, đã công nhận 7.471 liệt sĩ, quy tập 1.787 mộ liệt sĩ, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ tỉnh và huyện, thị xã; trợ cấp cho 3.457 thương binh. Năm 1984, toàn tỉnh xây dựng được 24 căn nhà tình nghĩa, tiếp tục giải quyết 40.000 trường hợp cho các đồng chí thương binh, những người tàn tật được hưởng chế độ chính sách. Năm 1985, giúp đỡ vật tư cho 400 cán bộ về hưu có hoàn cảnh khó khăn xây dựng nhà ở; tiếp tục bàn giao 75 căn nhà tình nghĩa cho thương binh và gia đình liệt sĩ. Đồng thời, tỉnh thành lập các trại xã hội tại Cầu Kè và Phú Quới (Bình Minh) để giáo dục, cải tạo các đối tượng tệ nạn xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng người già cô

đơn, trẻ mồ côi và các đối tượng gặp bất hạnh trong cuộc sống. Công tác cứu đói, cứu tế cho người nghèo, các đối tượng cơ nhỡ được quan tâm thực hiện.

Ngày 07/5/1979, thành lập Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, với chức năng, nhiệm vụ là cơ quan nghiên cứu khoa học và kỹ thuật áp dụng cho các ngành kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh. Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật đã phối hợp thực hiện chương trình Trung ương 60-02, 60B *(Chương trình điều tra cơ bản tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long)*; tổ chức triển khai thực hiện các chương trình điều tra cơ bản tổng hợp tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, phân vùng quy hoạch và phân bổ lực lượng sản xuất; phối hợp với các viện, trường, các ngành trong và ngoài tỉnh triển khai trên 40 đề tài/dự án, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nổi bật là chương trình bình tuyển các loại giống lúa, chọn lọc các loại thuốc, phân bón thích hợp cho cây trồng; nghiên cứu chọn lọc các giống cây, giống con thích nghi với điều kiện địa phương, có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu.

Chính sách quản lý và khai thác tài nguyên đất đai giai đoạn này chủ yếu tập trung vào việc: Khuyến khích khai hoang; mở rộng diện tích đất nông nghiệp. Đồng thời, thực hiện quản lý việc mở mang, sử dụng và cải tạo ruộng đất trong nông nghiệp, thu hồi toàn bộ ruộng đất thuộc sở hữu quốc gia, ruộng đất của tư sản mại bản, của địa chủ phản quốc nhằm điều chỉnh ruộng đất, chia cấp ruộng đất cho nông dân và xây dựng thí điểm mô hình hợp tác xã nông nghiệp.

Tỉnh đã tiến hành triển khai công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất để nắm lại toàn bộ quỹ đất, đáp ứng công tác quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ *về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước*. Hoàn thành 13 quy hoạch tổng thể cấp huyện, xây dựng sơ đồ các ngành kinh tế, y tế, giáo dục, văn hoá, xã hội. Trên cơ sở kết quả đo đạc theo Chỉ thị 299-TTg, tỉnh đã xây dựng được bản đồ phân vùng sản xuất. Việc quản lý nguồn tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh chuyển sang giai đoạn mới, có tính chuyên môn cao hơn, nguồn tài

nguyên đất đai được quản lý chặt chẽ hơn. Quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được xác lập thông qua việc cấp giấy quyền sử dụng ruộng đất. Công tác quản lý nhà nước về đất đai hiệu quả hơn, góp phần tạo động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Cửu Long có 03 dân tộc chính: Người Kinh với 1.101.200 người, người Khmer khoảng 185.700 người và người Hoa 17.610 người, còn lại là các dân tộc khác. Trong những năm đầu đất nước mới giải phóng, do tình hình chiến tranh biên giới Tây Nam nên nhiều bà con Việt kiều sinh sống ở Campuchia trước đây đã hồi hương về Việt Nam, tập trung nhiều nhất ở huyện Trà Cú, Cầu Ngang... Riêng cộng đồng người Hoa, phần đông sinh sống ở thị xã, thị trấn, chuyên làm nghề kinh doanh, buôn bán. Đa số người Hoa đã đoàn kết với người Kinh và chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; một số người sau đợt cải tạo công thương nghiệp đã ý thức và chấp hành các chính sách kinh tế của nhà nước.

Sau khi thành lập tỉnh Cửu Long, các cơ quan dân tộc của tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh trước đây (Ban Khmer vận và Ty Hoa kiều vụ) giải thể. Công tác dân tộc được giao về Ban Dân vận tỉnh trực tiếp phụ trách.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội IV của Đảng về chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, các Chỉ thị của Ban Bí thư và của Hội đồng Bộ trưởng về công tác dân tộc. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành phối hợp Ủy ban Mặt trận cùng cấp tăng cường vận động, tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng trong cộng đồng các dân tộc, nhất là người Khmer. Đối với đồng bào được chia cấp ruộng đất để canh tác lúa và trồng các loại hoa màu, chăn nuôi. Đối với đồng bào người Hoa, kể cả người Kinh sống tại thị xã, thị trấn được tạo điều kiện hồi hương hoặc được chính quyền sắp xếp đưa đi vùng kinh tế mới. Đối với những hộ không có điều kiện, chính quyền cùng với Mặt trận và các đoàn thể thu xếp công việc phù hợp để người dân được tham gia, làm việc tại các cửa hàng, hợp tác xã mua bán hoặc làm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp… Chính nhờ có đường lối và chủ trương đúng đắn này, mà trong giai đoạn 1975 - 1980, đồng bào Khmer và đồng bào người Hoa đã tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua sản xuất, phát huy truyền

thống cần cù trong lao động, thông minh sáng tạo trong sản xuất. Đặc biệt, nhiều chư tăng trong những ngôi chùa Phật giáo Nam Tông đã vận động đồng bào tích cực ra đồng sản xuất, ra biển đánh bắt tôm, cá và chăn nuôi gia súc, gia cầm, tạo ra lương thực, thực phẩm cho gia đình, đóng góp cho nhà chùa và chư tăng sinh sống. Song song với việc tăng gia sản xuất, đồng bào Khmer cũng được tạo điều kiện tổ chức và tham gia các hoạt động lễ hội truyền thống như: Chôl Chnam Thmây, Sêne Đônta, Ok Om Bok...

Mặc dù cấp ủy, chính quyền, Mặt trận đã hết sức quan tâm đến công tác dân tộc trong đồng bào Khmer, đồng bào người Hoa, nhưng do những hạn chế về đội ngũ cán bộ và những tác động khách quan đã làm cho tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trong đồng bào dân tộc thiểu số chưa thật sự vững chắc, kẻ địch, kẻ xấu thường xuyên tuyên truyền, xuyên tạc gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo[38]. Bên cạnh đó, tình trạng chiến tranh, xung đột qua lại biên giới giữa Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Trung Quốc còn phức tạp; chính sách đối với cán bộ người dân tộc còn một số bất cập. Từ đó, đã dẫn đến những xung đột, mâu thuẫn trong nội bộ, một bộ phận Nhân dân hoang mang, mất lòng tin; một số người Khmer, người Hoa lén lút vượt biên trái phép.

Sau ngày giải phóng, tín đồ các tôn giáo rất phấn khởi vì được hưởng nền hòa bình, độc lập và thống nhất. Đại đa số tín đồ ở nông thôn đã từng gắn bó với cách mạng trong hai cuộc kháng chiến, được hưởng thụ những thành quả cách mạng mang lại, họ tiếp tục được giao cấp lại ruộng đất đang canh tác mà trước đây là sở hữu của nhà chùa, nhà thờ, cũng như được tạo điều kiện để sản xuất; nhờ đó, họ hăng hái tham gia mọi hoạt động cách mạng. Tâm trạng, nỗi lo chung của các tín đồ là đời sống kinh tế hiện còn khó khăn; một số người có biểu hiện lo sợ, mặc cảm, ngại tham gia các phong trào do cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể phát động. Để phát huy tinh thần đoàn kết trong đồng bào

[38] Từ tháng 9 đến tháng 11/1976, một nhóm phản động do tên Phola tổ chức, xúi giục đồng bào Khmer các vùng Tiểu Cần, Cầu Kè tiến hành bạo loạn, lật đổ chính quyền. Bằng các nghiệp vụ an ninh, Ban chuyên án đã bắt giữ toàn bộ số chỉ huy cốt cán từ các huyện tiến về thị xã Trà Vinh và bắt toàn bộ số phản động cài vào nội bộ ta. Kết thúc chuyên án, Công an Cửu Long đã khống chế 2.429 đối tượng phản động, phá tan mưu đồ bạo loạn một cách nhanh, gọn.

các tôn giáo, các cấp ủy, chính quyền cùng Mặt trận và các đoàn thể tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động tín đồ để họ yên tâm sinh sống và lao động sản xuất, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; tranh thủ các chức sắc, tu sĩ trong các tôn giáo, nhất là các vị lãnh đạo để qua đó vận động các tín đồ tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

Qua nhiều đợt vận động, Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã mời được các vị chức sắc tiêu biểu tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc như: Hòa thượng Thích Hoàn Phú, Thượng tọa Thích Đức Pháp, Linh mục Nguyễn Văn Triệu, ông Thái Văn Năm (Trưởng đại diện Phật giáo Hòa Hảo)... Tỉnh còn tạo điều kiện phát huy khả năng của thành viên tiêu biểu trong Ủy ban Mặt trận, đi sâu vào giới, đại biểu tôn giáo và tùy theo chức năng của từng thành viên. Mặt trận tỉnh đã thông qua các chức sắc, chức việc là thành viên Mặt trận để vận động các vị Giám mục, Linh mục, các vị Hòa thượng, Thượng toạ, Đại đức... khuyến khích các tín đồ chấp hành pháp luật, tham gia các phong trào sản xuất, phong trào tình nguyện lên đường bảo vệ Tổ quốc; tạo điều kiện cho chức sắc các tôn giáo trong các quan hệ với chính quyền, trong việc đi lại trong, ngoài nước... tổ chức học tập, sinh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết 297/CP của Hội đồng Chính phủ *về quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng*; hỗ trợ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh tiến hành đại hội bầu Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo; giới thiệu các chức sắc và đồng bào Công giáo ở tỉnh tham gia vào ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp và dự Đại hội Người Công giáo Việt Nam yêu nước toàn quốc. Giúp đỡ các giáo phái Cao đài trong hoạt động tôn giáo. Kịp thời phát hiện những phần tử lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng, tổ chức công khai hoá các vụ việc trước quần chúng tín đồ. Các tôn giáo trong giai đoạn này đề ra phương hướng hoạt động mới, thể hiện tinh thần đồng hành cùng với dân tộc, kết hợp giữa đạo với đời. Trong Công giáo hướng tới tinh thần "*Sống tốt đời, đẹp đạo, sống phúc âm giữa lòng dân tộc vì hạnh phúc của đồng bào*"; trong Phật giáo hướng tới *"Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội"*, tán thành chủ nghĩa xã hội vì chủ nghĩa xã hội phù hợp với giáo lý của đạo Phật... Phong trào từ thiện xã hội, ủng hộ người nghèo, tương thân, tương ái trong các tôn giáo phát triển mạnh.

Tuy nhiên, vẫn có một vài trường hợp cán bộ chưa hiểu biết về tôn giáo đã có những sơ suất trong việc vận động, lập thủ tục bàn giao, tiếp nhận các cơ sở phục vụ xã hội, như: bệnh viện, trường học, nhà nguyện... gây ra sự hiểu lầm trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về công tác tôn giáo. Vì vậy, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, công tác mặt trận và các đoàn thể tìm hiểu về giáo lý, giáo luật, lễ nghi nhằm tránh những sơ suất khi tiếp xúc với các chức sắc, chức việc và bà con tín đồ các tôn giáo.

3. Củng cố quốc phòng - an ninh và làm nghĩa vụ giúp tỉnh KompôngSpư (Campuchia)

Sau khi sáp nhập tỉnh, tỉnh có Bộ Chỉ huy Tỉnh đội, Bộ Chỉ huy có ba cơ quan, gồm: Phòng Tham mưu, Phòng Chính trị, Phòng Hậu cần; lực lượng chiến đấu tỉnh duy trì hai tiểu đoàn bộ binh, một phân đội tàu, một đại đội pháo, khung tiểu đoàn 3. Tổ chức hai bộ phận trực thuộc là Trường quân huấn, có nhiệm vụ quản lý, giáo dục tù binh và Nông trường Thống nhất (tổng quân số 2.017). Năm 1977, theo quyết định của Quân khu, tỉnh thành lập trường quân sự địa phương, có nhiệm vụ đào tạo, bổ túc cán bộ xã đội, đại đội, tiểu đoàn dân quân tự vệ, tập huấn cán bộ cơ quan quân sự huyện, thị xã, giáo viên các trường phổ thông và công nhân kỹ thuật.

Những ngày đầu giải phóng, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh rất phức tạp. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh nhanh chóng tổ chức tiếp quản, đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, tích cực bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được và chi viện sức người, sức của cho chiến đấu bảo vệ biên giới. Song song với đẩy mạnh củng cố quốc phòng, an ninh. Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách khoan hồng của Đảng, xóa bỏ hận thù, định kiến, đoàn kết và tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi người Việt Nam đóng góp xây dựng quê hương, đất nước. Qua tuyên truyền vận động, có gần 40.000 người đã từng cộng tác với chính quyền Sài Gòn ra trình diện chính quyền cách mạng. Tỉnh tăng cường công tác quản lý xã hội, ổn định chính trị, đưa mọi hoạt động của Nhân dân sớm trở lại bình thường.

Tuy nhiên, chỉ hơn một năm sau ngày giải phóng, ngày 16/11/1976, trong lúc cả tỉnh đang hướng về Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ I, lực lượng phản động (Đảng Khăn trắng - một tổ chức Khmer phản động) tổ chức cuộc bạo loạn vũ trang, nổ súng tấn công vào thị trấn Tiểu Cần, huyện Cầu Kè (nay thuộc huyện Tiểu Cần) và nhiều xã trong tỉnh. Cuộc bạo loạn nhanh chóng bị dập tắt trong vòng nửa ngày, nhưng gây thiệt hại lớn, đồng thời để lại hậu quả rất nặng nề nhiều năm sau đó về người và của, tổn thương đến truyền thống đoàn kết Kinh - Khmer, đoàn kết giữa Đảng và quần chúng nhân dân.

Cuộc bạo loạn ngày 16/11/1976, đã đánh động tư tưởng chủ quan, tự mãn sau chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhận thức về cuộc chiến đấu mới cũng rất gay go, phức tạp và rất quyết liệt mà tưởng như không còn tồn tại sau chiến thắng 30/4/1975. Cuộc bạo loạn bị dập tắt, nhưng cuộc đấu tranh không trận tuyến giữa ta và địch liên tục diễn ra. Hoạt động của lực lượng phản động rất thâm độc. Chúng làm lẫn lộn phải trái, trắng đen, gieo rắc tư tưởng hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng... Lúc bấy giờ, hầu như không một chủ trương, chính sách nào của Đảng, Nhà nước ban hành mà không bị chúng xuyên tạc, gây hoang mang, hoài nghi trong Nhân dân, nhất là các chính sách thuế, thu mua lương thực, cải tạo, thi hành nghĩa vụ quân sự của thanh niên... Từ đó, chúng tập hợp lực lượng chống phá cách mạng. Lợi dụng sự tín ngưỡng của Nhân dân, bọn phản động chui vào nhà thờ, thánh thất, chùa, núp với danh nghĩa tôn giáo để tuyên truyền kích động, chia rẽ đoàn kết dân tộc, tập hợp lực lượng chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Cụ thể, hoạt động của nhóm Cao Đài (năm 1984), nhóm phản động chui vào Phật giáo Nam tông Khmer (1985 - 1986) kích động lôi kéo hàng trăm người tham gia vào tổ chức phản động. Mặt khác, chúng đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý gây hoang mang trong một bộ phận quần chúng nhân dân.

Giai đoạn 1975 - 1985, lực lượng vũ trang của tỉnh kết hợp với phong trào quần chúng đi sâu nắm tình hình, kịp thời triệt phá 31 tổ chức nhen nhóm phản cách mạng; bắt, gọi hàng và tiêu diệt gần 1.000 tên; triệt phá một số tổ chức như: Trung đoàn Tân Lập Kỳ 1 - 2 - 3, Phụng Thuận 18, Tiểu đoàn Phụng Thiện, Mật khu Phụng Thiện, Mặt trận quốc gia giải phóng Việt Nam, Dân quân phục quốc... Cùng với

việc tăng cường trấn áp bọn phản cách mạng, các lực lượng nghiệp vụ của tỉnh tập trung công tác sàng lọc nội bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền. Qua công tác này, tỉnh đã kịp thời phát hiện, làm rõ 114 đầu mối nội gián, đề xuất đưa ra khỏi tổ chức 352 đối tượng[39], góp phần đập tan kế hoạch hậu chiến phá hoại, lật đổ của các thế lực thù địch. Mặt khác, trong công cuộc xây dựng xã hội mới, cũng như các tỉnh Nam Bộ, tỉnh Cửu Long còn phải đối mặt với lề thói lạc hậu, những tư tưởng, lối sống... của chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ đã gieo rắc lên miền Nam nói chung, tỉnh Cửu Long nói riêng.

Trong bối cảnh đó, chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, tỉnh Cửu Long cùng các tỉnh Nam Bộ bước vào cuộc chiến đấu mới. Tỉnh được Trung ương giao nhiệm vụ bảo vệ biên giới thuộc huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp giáp với tỉnh Prâyveng (Campuchia) dài 45 km. Sau khi Campuchia được giải phóng (ngày 07/01/1979), tỉnh Cửu Long được phân công giúp tỉnh KompôngSpư (Campuchia).

Sau ngày miền Nam được giải phóng, thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh tiến hành cho ra quân các đơn vị chủ lực (chỉ giữ lại cán bộ khung), nên khi chiến tranh biên giới xảy ra, để đảm bảo yêu cầu của cuộc chiến đấu mới, trong hai năm (1978 - 1979), tỉnh thành lập 05 tiểu đoàn, gồm 03 tiểu đoàn chủ lực *(Cửu Long 1, Cửu Long 2, Cửu Long 3)* và 02 tiểu đoàn du kích. Tiểu đoàn 857 (chủ lực tỉnh) được Quân khu 9 rút lên thành lập Sư đoàn 339. Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức một Trung đoàn Thanh niên xung phong tham gia phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam.

Tháng 10/1978, tỉnh thành lập Trung đoàn K[40]; đầu năm thì giải thể và thành lập Đoàn 9901 làm nhiệm vụ giúp tỉnh KompôngSpư (Campuchia). Từ năm 1979, theo sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh thành lập Đoàn chuyên gia sang giúp tỉnh KompôngSpư với hai nhiệm vụ chính: *Một là,* tổ chức truy quét tàn quân Pôn Pốt, đưa dân về nơi ở cũ, cứu đói, cứu đau và ổn định đời sống; *hai là,* giúp bạn thành lập chính quyền, đoàn thể để nhanh chóng bắt tay vào khắc phục hậu quả diệt

[39] Trong đó, có 18 đối tượng vốn là cảnh sát đặc biệt của ngụy.

[40] Do đồng chí Sơn Song Sơn làm Chính ủy, đồng chí Thạch Phan Suôl làm Trung đoàn trưởng.

chủng do chế độ diệt chủng Pôn Pốt gây ra và giúp đỡ Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia. Đến cuối năm 1979, tổng số thành viên Đoàn chuyên gia của tỉnh có đến 83 đồng chí, do đồng chí Phan Văn Út (Út Lỗ), Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn[41]. Sau đó Tỉnh ủy tiếp tục thành lập Ban Chỉ đạo giúp Campuchia gồm 13 thành viên, là lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh[42], do đồng chí Dương Quang Danh, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Ban Chỉ đạo giúp tỉnh KompôngSpư (Campuchia) có nhiệm vụ nghiên cứu tình hình của tỉnh bạn, dựa trên đề xuất của Đoàn chuyên gia đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện các vấn đề chi viện giúp bạn ở tỉnh KompôngSpư. Cuối tháng 5/1979, Tỉnh ủy cử đoàn đại biểu sang nghiên cứu tình hình, đồng thời chi viện cho tỉnh bạn trên 225 tấn gạo, hơn 10 tấn heo hơi cùng nhiều mặt hàng nhu yếu phẩm khác. Sau đó, Tỉnh ủy tiếp tục phát động trong học sinh phong trào tiết kiệm tiền để mua dụng cụ học tập, sách, vở… tặng các em học sinh ở tỉnh KompôngSpư nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6.

Thực hiện nhiệm vụ giúp bạn Campuchia, tỉnh đã huy động sức người, sức của với hàng trăm cán bộ, chuyên gia, hơn 6.000 cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Năm 1979, tỉnh giúp bạn trên 4.300 tấn gạo, 1.300 tấn lúa mì, 1.050 tấn lúa giống và nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm, cây con giống khác... tạo điều kiện cho bạn khắc phục khó khăn trong những năm đầu thoát khỏi hoạ diệt chủng, từng bước khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền, giữ vững an ninh chính trị, tấn công và truy quét tàn quân Khmer đỏ.

Ngày 17/02/1979, khi Trung Quốc tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc, tỉnh đã đưa tiểu đoàn chủ lực Cửu Long A cùng hàng trăm cán bộ, chiến sĩ tham gia bảo vệ biên giới phía Bắc.

---

[41] Tiếp đến, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các đồng chí sau đây làm trưởng đoàn chuyên gia, gồm: đồng chí Nguyễn Ký Ức (6 Ức), đồng chí Nguyễn Đức Toàn (Tư Toàn), đồng chí Ngô Ngọc Bình (6 Kỳ).

[42] Gồm: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ty Y tế, Ty Thủy lợi, Ty Thương nghiệp, Ty Tài chính, Ty Nông nghiệp, Ty Văn hóa-Thông tin, Ty Công nghiệp, Ty Giao thông - Vận tải, Ty Bưu điện, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh.

Sau khi sáp nhập thành tỉnh Cửu Long, Ban An ninh hai tỉnh hợp nhất thành Ty An ninh tỉnh Cửu Long. Cuối năm 1976, Ty An ninh đổi tên thành Ty Công an, với 17 phòng ban trực thuộc[43] và 15 Phòng Công an các huyện, thị xã. Tháng 6/1981, Ty Công an tỉnh Cửu Long đổi tên thành Công an tỉnh Cửu Long. Ở cấp huyện, thị xã, Phòng Công an cũng được đổi thành Công an huyện, thị xã.

Tháng 9/1977, thành lập Trường Nghiệp vụ Công an Cửu Long tại Bến Giá (xã Long Hữu, huyện Cầu Ngang) với nhiệm vụ đào tạo nghiệp vụ cho chiến sĩ mới, hạ sĩ quan và bổ túc văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ Công an[44]. Song song với công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, Công an tỉnh rất chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng và đạo đức của cán bộ, chiến sĩ khi phát động phong trào *"Học tập và thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân"*.

Cuối năm 1977, Công an tỉnh thành lập 02 đại đội Công an vũ trang và đưa về lập điểm đóng quân tại các điểm xung yếu tuyến bờ biển, thực hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực ven biển và cửa biển. Thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW của Ban Bí thư (khóa III) và Quyết định số 412 của Hội đồng Chính phủ, cuối tháng 11/1979, Công an tỉnh chuyển giao lực lượng Công an vũ trang nhân dân sang cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. Từ đây, lực lượng Công an vũ trang nhân dân có tên mới là Bộ đội Biên phòng.

Thực hiện Chỉ thị 01, Chỉ thị 02 Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ, Ban Giám đốc Công an và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thống nhất thành lập Ban Chỉ huy chung từ cấp tỉnh xuống cơ sở, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, phối hợp giữ vững thông tin liên lạc, xây dựng kế hoạch tuần tra kiểm soát, truy quét tội phạm và tăng cường công tác xây dựng lực lượng, hậu cần phục vụ công tác và chiến đấu, đấu tranh phòng chống *"Chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch"*, nhất là những địa bàn trọng yếu ven biển, cửa biển, vùng dân tộc, tôn giáo…

[43] Gồm 04 phòng khối An ninh, 05 phòng khối Cảnh sát và phòng, ban, đơn vị cơ sở khối xây dựng lực lượng.

[44] Đến tháng 12/1979, đã đào tạo và tập huấn cho 145 cán bộ, chiến sĩ. Năm 1982, trường đào tạo trình độ sơ cấp nghiệp vụ cho 363 chiến sĩ mới. Từ năm 1982 - 1988, trường đào tạo 06 lớp sơ cấp nghiệp vụ cho gần 2.000 lượt học viên. Năm 1988, trường giải thể sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương số 247-NQ/TW (khóa III), từ đầu năm 1976, Công an tỉnh chỉ đạo Công an các huyện, thị xã phối hợp cùng chính quyền cơ sở phát động phong trào *"Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đề cao cảnh giác, kiên quyết đập tan các tổ chức phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội"*. Đây được xem là điểm khởi phát của phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh. Tháng 12/1983, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ, Công an tỉnh chính thức phát động và triển khai xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Phong trào này đã đáp ứng được yêu cầu huy động sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở và quần chúng nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc nên được cấp ủy, chính quyền cơ sở và Nhân dân tích cực tham gia. Đến năm 1985, toàn tỉnh có gần 11.500 tổ an ninh nhân dân với gần 250.000 tổ viên, 409 tổ dân phố và 12 đội dân phòng với hơn 2.300 thành viên, gần 250 tổ thanh niên xung kích với hơn 14.000 người[45]. Chính phong trào quần chúng rộng khắp này đã trở thành chỗ dựa vững chắc để lực lượng Công an các cấp triển khai lực lượng trấn áp bọn phản động, tấn công tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tháng 01/1979, Công an tỉnh cử Tổ Chuyên gia[46] trong biên chế Đoàn Chuyên gia Cửu Long sang giúp tỉnh bạn KompôngSpư xây dựng lực lượng công an từ tỉnh xuống cơ sở. Ngoài việc giúp bạn xây dựng lực lượng, đội ngũ chuyên gia Công an tỉnh còn trực tiếp chỉ huy lực lượng trinh sát Công an tỉnh KompôngSpư xác lập và đấu tranh có hiệu quả hàng chục chuyên án chống bọn phản động phá hoại cách mạng Campuchia, góp phần hoàn thành nghĩa vụ quốc tế; xây dựng và tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa lực lượng Công an hai nước trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Trong giai đoạn 1976 - 1985, trên địa bàn tỉnh Cửu Long đã diễn ra nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng, để đảm bảo an toàn

[45] Năm 1985, xã Tiểu Cần (huyện Tiểu Cần) được Bộ Nội vụ tặng cờ thi đua Đơn vị dẫn đầu phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

[46] Do đồng chí Thạch Nhân - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc làm Tổ trưởng và đồng chí Sơn Cang - Phó Trưởng phòng Chính trị làm Tổ phó.

cho các sự kiện chính trị trọng đại này, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Công an Cửu Long đã xây dựng kế hoạch phối hợp cùng các lực lượng vũ trang, phát huy sức mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đã tiến hành nhiều đợt truy quét, tấn công các loại tội phạm. Đồng thời, làm tốt công tác quản lý địa bàn, nắm đối tượng, đấu tranh ngăn chặn hoạt động chiến tranh tâm lý…

Sau ngày giải phóng, các tổ chức phản động do Mỹ dựng lên trong "Kế hoạch hậu chiến" câu kết với bọn ngụy quân, ngụy quyền ngoan cố, lợi dụng những khó khăn, bất cập trong quản lý, điều hành của ta để tuyên truyền, kích động, nhen nhóm lực lượng, âm mưu gây bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng, tập trung trong vùng có đông đồng bào Khmer và vùng Công giáo. Trong 5 năm (1976 - 1980), toàn tỉnh có gần 150 vụ nhen nhóm phản động, gồm 1.666 tên tham gia. Hình thức hoạt động của chúng là tập hợp lực lượng có vũ trang, tuyên truyền chiến tranh tâm lý, tổ chức cướp súng của cán bộ, cướp tài sản của Nhân dân, rải truyền đơn… gây tâm lý hoang mang. Thậm chí, sẵn sàng manh động gây bạo loạn cướp chính quyền. Với tinh thần cảnh giác cao, lực lượng công an đã phối hợp với lực lượng quân sự, dựa vào phong trào quần chúng, kịp thời ngăn chặn, trấn áp. Từ năm 1977 - 1979 đã phá hơn 21 vụ tổ chức phản động. Điển hình như vụ trấn áp và dập tắt cuộc bạo loạn 16/11/1976; đấu tranh, trấn áp, phá rã tổ chức phản động *"Mặt trận giải phóng dân tộc Khmer Campuchia Krôm"*[47]; tổ chức phản động Khmer Sarây tại Châu Thành và Cầu Ngang; tổ chức phản động *"Mặt trận giải phóng Khmer Campuchia Krôm"* và *"Đảng Sarây Chiêt'* (Đảng tự do dân tộc)[48]; tại huyện Tam Bình bắt 17 tên cầm đầu trong tổ

[47] Đầu năm 1977, từ nguồn tin quần chúng, Công an tỉnh nắm được một nhóm phản động mang tên *"Mặt trận giải phóng dân tộc Khmer Campuchia Krôm"* đang hình thành và hoạt động tại huyện Trà Cú. Chúng có hệ thống tổ chức từ quận xuống xã, với các chức danh tự phong. Sau khi trinh sát, Công an tỉnh Cửu Long tiến hành phá án, bắt 07 tên, thu 04 khẩu súng và nhiều tài liệu phản động.

[48] Lợi dụng tình hình chiến tranh biên giới, hai tổ chức phản động này nhen nhóm hình thành và hoạt động từ cuối năm 1978 ở các huyện Tiểu Cần, Cầu Ngang, Trà Cú, Cầu Kè, Càng Long… Trong 6 tháng đầu năm 1980, Công an tỉnh lập chuyên án phá án, bắt 65 tên, ra trình diện 49 tên, thu 04 lựu đạn và danh sách tổ chức bộ máy của chúng. Tháng 8/1980, Công an Cửu Long phát hiện 07 đối tượng ở huyện Cầu Kè tổ chức đưa người sang Campuchia huấn luyện trong tổ chức phản động Khmer Sarây.

chức "Tiểu đoàn 6 Vĩnh Long"; bắt 06 tên cầm đầu từ cấp tiểu đoàn phó đến cấp trung đoàn và 250 tên khác hoạt động liên tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Bến Tre, Cửu Long. Trong năm 1979, ta phá rã 06 tổ chức trên các địa bàn huyện Long Hồ, Tam Bình, Vũng Liêm, bắt 396 tên, diệt 01 tên, thu 03 súng, 18 lựu đạn, 500 viên đạn, 03 cờ, 06 con dấu các loại và nhiều tài liệu phản động.

Từ phong trào quần chúng và các biện pháp nghiệp vụ chuyên ngành, trong giai đoạn 1976 - 1985, lực lượng Công an đã mở nhiều đợt tấn công truy quét tội phạm, phá thành công hàng trăm vụ án hình sự, án kinh tế... trong đó có nhiều vụ trọng án[49].

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cửu Long lần thứ I, thứ II, thứ III đề ra nhiệm vụ đối ngoại: *"Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, hoàn thành nghĩa vụ quốc tế được giao; tích cực chi viện cho tỉnh KompôngSpư kết nghĩa; mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa"*. Thực hiện công tác đối ngoại, tỉnh thành lập đoàn chuyên gia sang giúp tỉnh KompôngSpư kết nghĩa, tích cực góp phần cùng bạn khôi phục sản xuất, ổn định đời sống Nhân dân, phát triển thực lực cách mạng; lực lượng vũ trang tiền phương của tỉnh thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với Campuchia, trong đó Đoàn 9901 và 4 Tiểu đoàn thuộc lực lượng vũ trang tỉnh được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều huân chương cho một số đơn vị, cá nhân cả ở tiền phương và hậu phương.

Kết hợp với các ngành trung ương tiếp nhận, triển khai kịp thời các nguồn đầu tư chi viện của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa về vật tư kỹ thuật, nguyên, nhiên liệu phục vụ phát triển sản xuất. Đồng thời, mở rộng liên kết hợp tác với các tỉnh, thành trong nước trên lĩnh vực sản xuất, liên thông hàng hóa... Kinh tế của tỉnh dần dần ổn định và phát triển, giá trị hàng hóa xuất khẩu bình quân hàng năm đạt 36 triệu đồng, đặc biệt tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 1982 bằng 5 lần

[49] Điển hình như vụ án làm chết 02 sĩ quan quân đội ở xã Long Hòa, huyện Châu Thành (1976), vụ án tổ chức đưa vượt biển trái phép ở Ban BCHQS huyện Trà Cú (1978), vụ án tổ chức đưa người vượt biển trái phép ở Mỹ Long, Cầu Ngang (1979), phá băng cướp hoạt động trên sông (1982), Tấn công bọn đầu cơ, buôn lậu gây rối thị trường sau đổi tiền (1985), truy quét, ngăn chặn tình trạng buôn bán thuốc tây giả (1985), vụ án giết người, cướp tổng kho dược phẩm, bắt 13 tên, do tên Đoàn Văn Út (Tư Đoàn) cầm đầu.

của 3 năm 1977 - 1979. Một số mặt hàng xuất khẩu ổn định như: tôm, chuối già, thảm lát, cao sao vàng... tạo được nguồn ngoại tệ nhập vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành khác; nhiều hạng mục công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được sửa chữa và xây dựng mới.

4. Xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Sau ngày giải phóng, tỉnh Cửu Long còn nhiều xã chưa có tổ chức cơ sở đảng và nhiều ấp không có đảng viên. Trước tình hình đó, đầu năm 1976, Tỉnh ủy ban hành Đề án công tác của tỉnh Cửu Long từ ngày 01/3/1976 đến tháng 9/1976, chỉ đạo: Tập trung chỉnh huấn Nghị quyết 24 ngày 29/9/1975 của Ban Chấp hành Trung ương *"Về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới"* đúng thời hạn, tạo chuyển biến mới trong nội bộ Đảng và cơ sở cách mạng về đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, củng cố phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, đoàn thể cách mạng, dân quân du kích, an ninh, nòng cốt ấp, xã đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Trên cơ sở đó, củng cố và phát triển Đảng vững mạnh, làm hạt nhân cho phong trào về mọi mặt. Để đủ sức làm hạt nhân của phong trào, Tỉnh ủy chú trọng đến việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, kiện toàn, tinh giản tổ chức, tăng sức cho huyện, xã, sửa đổi lề lối làm việc, đảm bảo sâu sát quần chúng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I khẳng định: *"Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết hai năm 1977 và 1978, vấn đề quan trọng bậc nhất là củng cố xây dựng Đảng"*. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ tập trung giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên các cấp để nâng cao nhận thức, lập trường quan điểm đúng đắn, tăng cường ý chí chiến đấu, bồi dưỡng kiến thức và năng lực công tác. Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành chỉnh huấn đảng viên đạt yêu cầu về chất lượng, tạo sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng, năng lực công tác, quán triệt đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần triệt để xả thân vì chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Ra sức bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, quan điểm quần chúng, tin, dựa vào dân, tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, chăm sóc đời sống của Nhân dân; không ngừng nâng cao ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm,

tự phê bình và phê bình, đoàn kết nội bộ cán bộ hai tỉnh vừa sáp nhập, đoàn kết cán bộ, chiến sĩ Nam - Bắc; chống tư tưởng hữu khuynh, mất cảnh giác, tự tư, tự lợi, tham ô, lãng phí, bè phái, cục bộ địa phương, so bì, hưởng thụ, quan liêu, mệnh lệnh, hưởng lạc, lười suy nghĩ, lười học tập. Cùng với việc tổ chức học tập chỉnh huấn trong nội bộ Đảng và Nhân dân, kiện toàn và xây dựng hệ thống trường Đảng từ tỉnh đến các huyện, đảm bảo đến cuối năm 1976 mở lớp chỉnh huấn cho xong đến các tổ đảng. Các ngành tỉnh mở các lớp đào tạo chuyên môn phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ mới. Qua các đợt triển khai học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tỉnh đã chú trọng đến việc thay đổi nhận thức, củng cố lập trường, quan điểm về mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Qua đó, phần lớn đảng viên phát huy được tính tiền phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo trong công tác, nhiệt tình cách mạng, mạnh dạn đấu tranh chống tham nhũng, chống tiêu cực. Nhiều cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng, có lối sống giản dị, gắn bó với Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Trong giai đoạn 1977 - 1979, hệ thống các Trường Đảng đã được xây dựng ở hầu hết các huyện và đã đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho trên 6.500 đảng viên.

Về tổ chức, các ban tham mưu của Tỉnh ủy như Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Ban Khoa giáo, Văn phòng Tỉnh ủy được củng cố, nâng cao chất lượng cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Thành lập Ủy ban Kiểm tra, Ban Bảo vệ Đảng và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh. Tăng cường cán bộ cho huyện, xã, nhất là củng cố chi bộ xã, phường, xí nghiệp, cơ quan vững mạnh. Trong phát triển đảng viên, chú trọng vùng yếu, vùng tôn giáo, dân tộc, ấp trắng đảng viên; không để đảng viên xa rời quần chúng. Củng cố các đoàn công tác xã, phường nơi chưa có chi bộ và đảng viên tại chỗ để đào tạo xây dựng cơ sở đến cuối năm cho xong. Kiện toàn các huyện ủy, thị ủy số lượng từ 17 đến 21 đồng chí, Ban Thường vụ từ 05 đến 09 đồng chí. Chấn chỉnh các ban, ngành từ tỉnh đến huyện, thị xã đủ nhân sự, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ với phương châm tinh giản, gọn nhẹ, trọng chất hơn trọng lượng, tăng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, giảm bớt nhân viên phục vụ, bố trí phù hợp với khả năng để tiến tới chuyên môn hóa. Trước hết, bố trí đủ bộ

máy chính quyền và bộ máy các ngành kinh tế, các nơi khác xây dựng nòng cốt rồi lần lượt bổ sung sau, cần có một số cán bộ tăng cường cho huyện, xã.

Nhằm tăng cường sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, Tỉnh ủy chỉ đạo: Phải kiên quyết khắc phục những biểu hiện tiêu cực như chần chừ, tùy tiện, vô kỷ luật, chấp hành nghị quyết không nghiêm, nặng cá nhân, tư hữu, ức hiếp quần chúng, không gương mẫu thi hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng viên phải biết lãnh đạo phát động quần chúng chống tiêu cực, có ý thức cảnh giác chống âm mưu gây mâu thuẫn trong nội bộ quần chúng và giữa quần chúng với Đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên. Tăng cường giáo dục đạo đức, phát huy tính tiền phong, gương mẫu của đảng viên. Từ đó, ngăn chặn tình trạng quan liêu, kiên quyết giải quyết các tệ nạn ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng; làm cho mỗi tổ chức cơ sở Đảng giữ vững và nâng cao chất lượng sinh hoạt; củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân; tổ chức tốt đời sống của Nhân dân; đồng thời sửa đổi lề lối lãnh đạo, chỉ đạo giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể, tránh giẫm chân hoặc bao biện, sửa đổi lối làm việc có chương trình, kế hoạch. Gắn công tác phát thẻ đảng viên với công tác phát triển đảng viên. Trong phát triển đảng viên, chú ý các đơn vị sản xuất, đơn vị chiến đấu, các cơ sở quản lý kinh tế, vùng yếu kém chưa có đảng viên; chú ý giai cấp công nhân, nông dân tập thể, số trẻ, nữ, dân tộc Khmer... với yêu cầu: Năm 1980 phải khắc phục cho được ½ số ấp, khóm chưa có đảng viên (227 ấp); ít nhất 2/3 số tập đoàn sản xuất có đảng viên *(phát triển tại chỗ hoặc điều động từ nơi khác đến).*

Năm 1980, sau ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các cơ sở Đảng từng bước được xây dựng, kiện toàn và củng cố. Các cấp ủy đều chú ý tăng cường cán bộ cho cơ sở. Trên 70 cấp ủy viên huyện, thị xã được bầu làm bí thư và nhiều đồng chí khác được điều động về giữ chức vụ chủ chốt cơ sở. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng, nhất là ở vùng yếu, vùng không có đảng viên. Từ 1977 - 1980, đã phát triển 1.400 đảng viên, khắc phục trên 100 ấp không có đảng viên. Đồng thời, tiến hành thẩm tra tư cách đảng viên, đưa 631 đảng viên không đủ tiêu chuẩn ra khỏi tổ chức Đảng. Đào tạo, bồi dưỡng gần

15.000 cán bộ ở các trường Đảng địa phương; trên 400 cán bộ được đào tạo ở các trường Trung ương. Toàn tỉnh có 251 cán bộ có trình độ trung cấp kỹ thuật, đại học các loại.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội biểu toàn quốc lần thứ V và các Nghị quyết Trung ương 6, 7, 8 ,9 (khóa V), Tỉnh ủy đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, trong đó chú trọng giáo dục đảng viên nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, năng động sáng tạo, nêu cao ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và làm tốt nghĩa vụ giúp nước bạn Campuchia, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng, ý thức chăm lo đời sống cho Nhân dân... Nguyên tắc tập trung dân chủ được tôn trọng, chú trọng tự phê bình và phê bình, đấu tranh xây dựng nội bộ, nhất là tự phê bình và phê bình ở các cấp trước khi tổ chức đại hội. Cấp ủy sát cơ sở hơn, qua đó lắng nghe ý kiến đóng góp của quần chúng để bổ sung, điều chỉnh chủ trương của cấp trên và giúp cấp dưới khắc phục những thiếu sót. Qua các phong trào cách mạng của quần chúng, từ năm 1981 đến năm 1985, các cấp ủy đảng trong tỉnh đã phát triển hơn 5.300 đảng viên. Năm 1986, Đảng bộ tỉnh có trên 17.200 đảng viên.

Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến thăm và làm việc với Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Cửu Long (năm 1981).
Ảnh: Sưu tầm

Công tác xây dựng Đảng đạt nhiều thành tựu quan trọng, tuy nhiên cũng còn bộc lộ nhiều yếu kém như: Việc quán triệt đường lối của Đảng chưa toàn diện, thiếu chiều sâu; lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân chưa được củng cố vững chắc; ý thức phấn đấu vươn lên thực hiện

cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên mặt trận kinh tế chưa cao; một bộ phận đảng viên sa sút ý chí chiến đấu, thoái hóa biến chất, tình trạng tham ô, móc ngoặt, mệnh lệnh, ức hiếp quần chúng còn diễn ra, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng bị xói mòn; việc chấp hành nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết về điều động cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình, trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế; nắm chưa vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, một bộ phận chưa biết nắm và phát động phong trào quần chúng, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác phát triển đảng viên ở ấp và các ngành kinh tế mũi nhọn còn rất chậm *(còn đến 227 ấp và nhiều cơ sở sản xuất chưa có đảng viên)*; việc bám địa bàn còn lỏng lẻo. Giai đoạn 1981 - 1985, các cấp ủy Đảng đã xử lý kỷ luật 1.825 đảng viên bằng các hình thức.

Ngay sau khi sáp nhập tỉnh, thực hiện Chỉ thị số 228-CT/TW ngày 03/01/1976 của Bộ Chính trị về việc lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội chung cả nước, tỉnh đã tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền, giải thích chủ trương của Đảng, pháp luật bầu cử của Nhà nước, vận động đồng bào đi bỏ phiếu. Tại các khu vực bầu cử, công tác điều tra dân số, lập danh sách cử tri được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quyền lợi của cử tri; việc giới thiệu người ra ứng cử được thực hiện dân chủ, trong đó Mặt trận cùng các đoàn thể quần chúng đóng vai trò quan trọng; những người được giới thiệu ra ứng cử đều là những người có nhiều thành tích trong chiến đấu, công tác và sản xuất, bao gồm các nhà hoạt động cách mạng lâu năm, các đại biểu công nhân, nông dân, quân nhân cách mạng, trí thức, văn nghệ sĩ,... Danh sách đó thật sự là hình ảnh của khối đại đoàn kết dân tộc tỉnh nhà.

Ngày 25/4/1976, cùng cả nước, cử tri tỉnh Cửu Long đã nô nức đến các điểm bỏ phiếu, thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, bầu những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam độc lập thống nhất, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt tỷ lệ trên 99%; đơn vị tỉnh Cửu

Long có 13 đại biểu trúng cử[50].

Năm 1981, thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 12/01/1981 của Bộ Chính trị *"về việc lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII"*. Xác định cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII có tầm quan trọng đến việc củng cố, tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Tỉnh đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp trong tỉnh kết hợp chặt công tác thường xuyên với công tác chuẩn bị cho bầu cử. Tập trung tuyên truyền để cử tri nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc giới thiệu ứng cử viên và tổ chức hội nghị hiệp thương để lựa chọn người có đủ năng lực tham gia vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Cùng cả nước, tỉnh Cửu Long tổ chức bầu cử vào ngày 26/4/1981, có trên 99% cử tri đi bầu, đơn vị tỉnh Cửu Long có 13 đại biểu trúng cử[51].

Ngày 15/5/1977, tỉnh tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp khoá I, nhiệm kỳ 1977 - 1980. Hội đồng nhân dân tỉnh có 105 đại biểu trúng cử. Từ ngày 18 đến ngày 23/6/1977, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá I tổ chức kỳ họp lần thứ nhất. Kỳ họp thông qua Kế hoạch năm 1977 - 1978 và phương hướng đến năm 1980; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 1976 và dự toán ngân sách năm 1977. Tại kỳ họp, đồng chí Đỗ Quang Diệp (Tư Quang) được bầu làm Thư ký chuyên trách Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thành lập 04 ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân gồm: Ban Kế hoạch - Ngân sách, Ban Kinh tế - Cải tạo, Ban Văn xã và Đời sống, Ban Nội chính.

Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức thành công các kỳ họp theo quy định; đã ban hành hơn 10 nghị quyết về kinh tế - xã hội và những nhiệm vụ của chính quyền trong công tác cải tạo

[50] Gồm các vị: Mai Văn Ấn, Nguyễn Thị Biên (Thu Hương), Trần Thành Đại, Phan Văn Đáng, Lê Minh Đức, Nguyễn Văn Hên (Mười Hạnh), Nguyễn Ngọc Nga, Phan Hữu Phục (Tám Phục), Nguyễn Thiện Thành, Nguyễn Trung Thành, Sơn Thông (Ma Ha Sơn Thông), Nguyễn Văn Út, Nguyễn Ký Ức.

[51] Gồm: Phan Hữu Phục (Tám Phục), Nguyễn Thiện Thành, Sơn Thông (Ma Ha Sơn Thông), Đào Thị Biểu, La Lâm Gia (Bảy Mây), Trần Hoàn Kim, Trịnh Văn Lâu (Tư Cần), Bùi Công Minh (Ba Minh), Phan Văn Ngân, Đỗ Hồng Nhung, Phan Văn Phỉnh (Sáu Trọng), Nguyễn Hồng Sến và Trần Công Tuấn.

nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp. Bước đầu, Hội đồng nhân dân tỉnh và các ban đã tiến hành cuộc giám sát theo quy định. Hội đồng nhân dân các cấp cũng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của cơ quan dân cử ở địa phương.

Ngày 26/4/1981, cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khoá II, nhiệm kỳ 1981 - 1984 được tổ chức. 120 đại biểu trúng cử Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II. Từ ngày 10 đến ngày 14/6/1981, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II tổ chức kỳ họp lần thứ nhất. Kỳ họp đã bầu Ban Thư ký Hội đồng nhân dân tỉnh gồm 02 thành viên, đồng chí Đỗ Quang Diệp tiếp tục được bầu làm Trưởng Thư ký, Thường trực Hội đồng nhân dân và đồng chí Lê Văn Dũng làm Ủy viên Thư ký.

Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II đã tổ chức thành công các kỳ họp, ban hành một số nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, đề án về ngân sách... làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện, trong đó nổi bật là nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nghị quyết về xây dựng đời sống văn hoá mới... Bước đầu, Hội đồng nhân dân tiến hành các cuộc tiếp xúc cử tri thông qua vai trò tập hợp quần chúng của Mặt trận Tổ quốc. Tuy số lượng cử tri tham gia chưa nhiều, nhưng bước đầu đã giúp người dân hiểu được vai trò làm chủ tập thể trong xã hội mới. Trong nhiệm kỳ này, Hội đồng nhân dân tỉnh tuy chưa tổ chức các hoạt động chất vấn nhưng nhiều nội dung, nhiều vấn đề liên quan đến quản lý kinh tế, cải tạo nông nghiệp, xây dựng các tổ sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, đặc biệt là vấn đề sản xuất, cung cấp lương thực, hàng công nghệ phẩm gặp rất nhiều khó khăn, tình trạng "ngăn sông, cấm chợ" diễn ra gây cản trở trong lưu thông hàng hoá, ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân... đã được các đại biểu phản ánh đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 21/4/1985, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khoá III, nhiệm kỳ 1985 - 1989 được tổ chức. 107 đại biểu trúng cử Hội đồng nhân dân tỉnh khoá III. Tại kỳ họp thứ nhất (ngày 21/3/1985), Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu Ban Thư ký, đồng chí Đỗ Quang Diệp tiếp tục được bầu làm Trưởng Thư ký, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Lê Văn Dũng và đồng chí Trương Phúc Lợi được bầu làm Ủy viên Thư ký; bầu Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 17 thành viên.

Từ khoá đầu tiên đến năm 1985, Hội đồng nhân dân tỉnh Cửu Long đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định. Qua các cuộc tiếp xúc cử tri, những cuộc vận động quần chúng tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, vai trò làm chủ của Nhân dân lao động, tiếng nói của Nhân dân lao động ngày càng thể hiện rõ, góp phần xây dựng và phát triển quê hương. Đại biểu Hội đồng nhân dân đã lắng nghe, tập hợp, phản ảnh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân; tham gia quyết định và giám sát thực hiện công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng của địa phương...; tuyên truyền, thuyết phục người dân thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng và của hội đồng nhân dân địa phương đề ra. Trong giai đoạn này, Hội đồng nhân dân cũng quyết định nhiều vấn đề quan trọng đối với công tác giúp Campuchia. Hoạt động của đại biểu ngày càng thiết thực, phát huy đoàn kết dân tộc, gắn bó với Nhân dân, lắng nghe và phản ảnh kịp thời những nguyện vọng, bức xúc của Nhân dân đối với Nhà nước, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể.

Mười năm sau ngày giải phóng, là giai đoạn củng cố và hoàn chỉnh bộ máy chính quyền cách mạng trong bối cảnh mới. Năm 1976, Nhân dân tham gia bầu chọn người đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước là Quốc hội và bầu chọn người đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực ở cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh. Qua các lần bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, chất lượng đại biểu được nâng lên, đảm bảo đại diện cho các giai tầng trong xã hội. Hoạt động của đại biểu ngày càng thiết thực, phát huy đoàn kết dân tộc, gắn bó với Nhân dân, lắng nghe và phản ảnh kịp thời những nguyện vọng, bức xúc của Nhân dân với Nhà nước, chính quyền, các ban ngành đoàn thể... Chất lượng hoạt động của các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng sát thực tế, đáp ứng được mong muốn của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm. Dân chủ được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, được thể chế bằng nhiều văn bản pháp quy. Tuy nhiên, do trong cơ chế tập trung, bao cấp nên chính quyền vừa thực hiện quản lý hành chính, vừa quản lý kinh doanh, vừa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, do đó bộ máy chính quyền rất cồng kềnh. Nhiều lĩnh vực đời sống xã hội vừa thiếu dân chủ, vừa lỏng lẻo kỷ cương.

Sau sáp nhập tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long được thành lập, do đồng chí Nguyễn Ký Ức làm Chủ tịch; các đồng chí Dương Quang Danh (Năm Nhọn), Phạm Thành Nối (Tư Trẻ) làm Phó Chủ tịch. Để từng bước ổn định tình hình chính trị, ổn định đời sống của Nhân dân sau ngày giải phóng, Tỉnh ủy chủ trương tập trung phát động quần chúng tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, xác lập quyền làm chủ của Nhân dân; dựa vào sức mạnh của Nhân dân hoàn thành cơ bản việc truy quét tàn binh, trấn áp phản động, giữ vững an ninh trật tự, ổn định đời sống, giải quyết việc làm cho quần chúng ở thị xã; làm thủy lợi, đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, thâm canh, phát triển chăn nuôi; phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, học tập và khám chữa bệnh của Nhân dân; xây dựng và phát triển lực lượng chính trị và vũ trang; phát triển đảng ở vùng mới giải phóng để đủ sức lãnh đạo cơ sở về tư tưởng, tổ chức cho phù hợp với tình hình mới; điều tra, nghiên cứu nắm chắc cơ sở kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật ở thành thị và điều tra nông thôn phục vụ xây dựng kế hoạch năm 1976 của cả nước.

Hội đồng nhân dân tỉnh khoá I, nhiệm kỳ 1977 - 1980 bầu Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 13 thành viên, đồng chí Nguyễn Ký Ức được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch là: Dương Quang Danh (Năm Nhọn), Phạm Thành Nối (Tư Trẻ).

Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II, nhiệm kỳ 1980 - 1984 bầu Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 07 thành viên, đồng chí Trịnh Văn Lâu (Tư Cần) được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 06 Phó Chủ tịch gồm các đồng chí: Hồ Nam (Năm Đạt), Hồ Minh Mẫn (Mười Mẫn), Lê Tấn Đạt (Tư Thi), Dung Anh Tuấn (Bảy Tuấn), Phạm Thành Nối (Tư Trẻ) và Võ Văn Nam.

Hội đồng nhân dân tỉnh khoá III, nhiệm kỳ 1985 - 1989 bầu Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 17 thành viên, đồng chí Hồ Minh Mẫn được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các Phó Chủ tịch gồm: Nguyễn Văn Đời (Năm Dân), Đỗ Quang Diệp (Tư Quang), Lê Ngọc Tho (Bảy Tho), Dung Anh Tuấn (Bảy Tuấn), Nguyễn Văn Mậu (Chín Biện) và Phan Văn Truyền (Út Võ); thành viên Ủy ban là lãnh đạo các ngành trong tỉnh. Đến năm 1986, bộ máy chính quyền, sở, ban, ngành các cấp gần như đã hoàn chỉnh theo quy định của Trung ương.

Ở cấp tỉnh, Văn phòng giúp việc cho Ủy ban Quân quản (sau là Ủy ban hành chính, Ủy ban nhân dân) được hình thành. Sau đó, một số ngành được hình thành theo quy định của Hội đồng Chính phủ và được gọi là ty, như: Ty Thương nghiệp, Ty Xây dựng, Ty Giao thông vận tải, Ty Nông nghiệp, Ty Lương thực, Ty Thủy lợi, Ty Giáo dục, Ty Y tế... Một số ngành được gọi là Ủy ban, như: Ủy ban Kế hoạch - Thống kê, Ủy ban Vật giá... Tổ chức Ủy ban nhân dân, các cơ quan giúp việc ở cấp huyện, xã được hình thành và từng bước đi vào hoạt động.

Xây dựng và củng cố chính quyền là nhiệm vụ rất mới mẻ, với nhiều khó khăn và phức tạp đối với Đảng bộ và chính quyền cách mạng. Một trong những khó khăn lớn đối với tỉnh Cửu Long lúc bấy giờ là thiếu cán bộ, nhất là cán bộ quản lý và cán bộ khoa học - kỹ thuật. Để giải quyết vấn đề này, được sự chỉ đạo của Trung ương và sự hỗ trợ của các tỉnh phía Bắc, tỉnh tiến hành chọn cán bộ kháng chiến ở địa phương, tiếp nhận cán bộ từ quân đội chuyển ngành, từ miền Bắc chi viện, số cán bộ bị địch bắt giam và số cán bộ từ khu về. Đồng thời, lưu dụng một số viên chức của chế độ Sài Gòn cũ... Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, các năm 1975 - 1976, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Giai đoạn đầu chủ yếu bồi dưỡng ngắn hạn để hình thành đội ngũ cán bộ phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý trước mắt; từng bước hình thành các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ nhiệm vụ lâu dài. Đến năm 1985, các cấp trong tỉnh đã và đang hình thành lớp cán bộ mới, trẻ hơn, năng động hơn; có khoảng 70% các huyện, thị xã trong tỉnh có đội ngũ cán bộ vững vàng. Một số giám đốc, phó giám đốc các sở, ngành có trình độ cao đẳng, đại học, một số có năng lực điều hành công việc tốt.

Ngày 23/4/1976, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ban hành Nghị định số 09/BTP-NĐ thành lập viện kiểm sát nhân dân các tỉnh phía Nam, trong đó có Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cửu Long. Những ngày đầu mới thành lập, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cửu Long được bố trí làm việc tại trụ sở công tố viên của chế độ cũ; biên chế gồm 16 đồng chí, hầu hết được điều động từ lực lượng vũ trang.

Ngày 15/3/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền

Nam Việt Nam ban hành Sắc lệnh số 01/SL *về công tác tư pháp*. Ngày 16/4/1976, Bộ Tư pháp thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ban hành Nghị định số 07-BTP/NĐ về việc thành lập 21 tòa án thuộc các tỉnh phía Nam, trong đó có Tòa án nhân dân tỉnh Cửu Long, trực thuộc Bộ Tư pháp quản lý. Với số biên chế hơn 30 cán bộ, nhân viên. Tòa án nhân dân tỉnh Cửu Long đi vào hoạt động trong điều kiện trang thiết bị thiếu thốn, trụ sở xuống cấp nghiêm trọng do tiếp quản từ trụ sở tòa án của chế độ cũ. Với đội ngũ thẩm phán lúc bấy giờ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra, chưa được đào tạo qua trường, lớp, phần lớn là cán bộ từ thời kháng chiến và từ ngành khác chuyển sang, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ rất hạn chế nên gặp không ít khó khăn trong quá trình tổ chức xét xử.

Khi mới thành lập, Toà án nhân dân tỉnh chưa có tòa chuyên trách, chỉ phân công các thẩm phán luân phiên tham gia các phiên tòa hình sự, dân sự. Hiến pháp năm 1980, sau đó là Pháp lệnh Tổ chức tòa án nhân dân năm 1981 đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của tòa án; đồng thời, các tòa chuyên trách như: Toà hình sự, Tòa dân sự và các phòng chuyên môn khác trực thuộc tòa án nhân dân được thành lập đã tạo thuận lợi cho hoạt động của tòa án, đưa hoạt động của tòa án nhân dân tỉnh đi vào nền nếp.

Ngay sau ngày giải phóng, công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ chủ yếu của Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh và các đoàn thể, nhiệm vụ trọng tâm là tập hợp, vận động các giai cấp, tầng lớp trí thức, tư sản tiến bộ, đồng bào dân tộc, tôn giáo ủng hộ chính quyền và chế độ mới. Sau khi sáp nhập tỉnh, căn cứ chủ trương của Đảng, Điều lệ và hướng dẫn của Trung ương, đầu năm 1976, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong tỉnh đã tiến hành hiệp thương, củng cố về tổ chức, bộ máy. Trên cơ sở đề nghị của Thường trực Ủy ban Mặt trận tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ định Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng lâm thời gồm 14 thành viên và 01 Thư ký.

Giai đoạn 1977 - 1985, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức hai kỳ Đại hội: Đại hội lần thứ I (nhiệm kỳ 1977 - 1980) và Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 1982 - 1985). Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Mặt trận Tổ quốc đã tập trung công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng

thực hiện tốt nhiều phong trào như: Phong trào vận động Nhân dân làm thủy lợi, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng sản xuất mới, khôi phục và phát triển kinh tế, nhất là sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn; vận động Nhân dân xây dựng nền văn hoá mới, con người mới; vận động Nhân dân tham gia bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... Mặt trận Tổ quốc từng bước thay đổi cách thức tập hợp, vận động Nhân dân, thay đổi cách thức làm việc phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, nhất là thay đổi cách thức tuyên truyền, vận động, giáo dục cho Nhân dân hiểu rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính từ phong trào cách mạng ở cơ sở, công tác vận động quần chúng đã góp phần tập hợp phần lớn Nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước như: Thực hiện khai hoang, phục hoá, thâm canh, tăng năng suất trong sản xuất lương thực; phong trào công tác xã hội, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt; xây dựng, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ; tham gia xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã... với hiệu quả ngày càng nâng cao. Qua các phong trào, xuất hiện nhiều nhân tố mới, quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy trên nhiều lĩnh vực.

Giai đoạn này, tình hình tư tưởng trong nông dân còn nhiều băn khoăn đối với việc thực hiện chính sách điều chỉnh ruộng đất bình quân, cào bằng, trả hoa lợi không đủ cho một số trung nông vào các tập đoàn sản xuất; việc quản lý của các tập đoàn sản xuất thiếu dân chủ, ăn chia chưa công bằng, đời sống của tập đoàn viên gặp nhiều khó khăn. Nhân cơ hội này, những phần tử cơ hội, phản động lợi dụng những khó khăn về kinh tế, lợi dụng mê tín, dị đoan tìm mọi cách xuyên tạc, xúi giục, kích động, lôi kéo một bộ phận người dân phản đối chính quyền, làm ảnh hưởng đến sự ổn định, đoàn kết trong Nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp trong tỉnh, các cấp Hội Nông dân tập trung công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia củng cố, ổn định sản xuất, chống sự kích động của các phần tử cực đoan nhằm phá hoại chủ trương kinh tế tập thể, xúi giục nông dân xin ra khỏi tập đoàn, đòi lại đất, ban phá bờ vùng…

Qua các đợt vận động, từ năm 1981 trở đi, hầu hết nông dân được quán triệt Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/10/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong tập đoàn, hợp tác xã nông nghiệp*. Với cơ chế khoán sản phẩm theo tinh thần Chỉ thị 100-CT/TW đã phát huy mạnh mẽ tính tích cực, tự giác của xã viên, tập đoàn viên, lôi cuốn mọi người tập trung công sức, tận dụng đất đai, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm vào sản xuất, nên diện tích, năng suất, sản lượng lúa đều tăng cao, tăng thu nhập cho nông dân. Song song với tổ chức lại sản xuất, Hội Nông dân các cấp đã kiên trì giáo dục, cùng với chính quyền tuyên truyền, vận động bộ phận nông dân đi vào làm ăn tập thể. Đến ngày 21/10/1985, tỉnh tổ chức lễ mừng công được Trung ương công nhận hoàn thành cơ bản phong trào hợp tác hóa nông nghiệp[52], tập thể hóa 93,94% diện tích canh tác lúa và 96,98% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Phần lớn tư liệu sản xuất chủ yếu của nông dân như máy cày, máy xới, máy bơm, thùng suốt, trâu, bò… được tập thể hóa giao cho tập đoàn quản lý.

Sau gần 9 năm xây dựng và phát triển, giai cấp nông dân tập thể đã bắt đầu hình thành qua phong trào làm ăn tập thể; việc thực hiện chính sách khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp đã có sức lôi cuốn đông đảo nông dân. Qua đó, tinh thần người nông dân phấn khởi, yên tâm sản xuất, tin tưởng vào chính quyền và các chính sách của Đảng, Nhà nước.

Trong công tác vận động giai cấp công nhân và phong trào công nhân, lao động giai đoạn 1975 -1986, một trong các nhiệm vụ trọng tâm của các tổ chức Công đoàn ở thời kỳ này là không ngừng bồi dưỡng năng lực toàn diện, ra sức giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công nhân viên chức làm sức bật thúc đẩy việc đổi mới quản lý và tổ chức chỉ đạo sản xuất… Công đoàn các cấp đã thường xuyên kêu gọi, vận động đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động phát huy vai trò đội ngũ tiên phong, đi đầu trong việc tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng và của Tỉnh ủy đề ra… Từ đó, hoạt

[52] Toàn tỉnh có 5.337 tập đoàn sản xuất, 44 liên doanh tập đoàn, 18 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

động của các cấp công đoàn và phong trào công nhân ngày càng lớn mạnh; nhiều đơn vị, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đã hình thành tổ chức công đoàn cơ sở, từng bước nâng cao ý thức cách mạng, quyền làm chủ của công nhân, đấu tranh và phòng chống mọi biểu hiện tiêu cực trong quản lý kinh tế và ngoài xã hội, tuyệt đại đa số công nhân, viên chức trong tỉnh vững vàng về chính trị, nêu cao ý chí cách mạng, tin tưởng và gắn bó với cơ quan, xí nghiệp, hưởng ứng tốt các phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, phát huy nhiều sáng kiến, hoàn thành kế hoạch nhà nước; xuất hiện nhiều cá nhân, tập thể tiên tiến trong lao động.

Sau ngày 30/4/1975, Tỉnh Đoàn tỉnh Cửu Long đã phát động tuổi trẻ trong tỉnh đẩy mạnh thực hiện phong trào *"Ba xung kích"* tạo thành cao trào thi đua hành động cách mạng của tuổi trẻ thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với khẩu hiệu *"Mùa xuân ra quân làm thuỷ lợi"* hàng trăm ngàn lượt đoàn viên, thanh niên tham gia trên công trình thủy lợi như: Đào kênh Trà Ngoa, kênh 3 tháng 2, kênh 19 tháng 5, kênh Thống Nhất, đắp bờ vùng các tuyến liên xã, xây dựng một số công trình mới như: Cống Trà Khiết (Bình Minh), các trạm bơm Gò Găng (Tam Bình), Hiếu Thành, Hiếu Phụng (Vũng Liêm), Thới Hòa (Trà Ôn)... Đặc biệt, trong những năm 1980 - 1984, khi cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc lên đến đỉnh điểm, thực hiện Lệnh Tổng động viên của Chủ tịch nước, đã có hàng chục ngàn thanh niên tình nguyện đăng ký nghĩa vụ quân sự, tham gia lực lượng thanh niên xung phong về các vùng kinh tế mới để khai hoang, tăng gia sản xuất, tham gia phục vụ chiến đấu. Lực lượng thanh niên xung phong tỉnh được hình thành thông qua các phong trào *"Ba xung kích làm chủ tập thể"*; phong trào *"Thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*.

Ngoài việc hưởng ứng và thực hiện các phong trào chung do Trung ương Đoàn phát động, từ năm 1980 - 1984, Tỉnh Đoàn còn phát động 5 chương trình hành động của Đoàn, qua đó tập hợp, huy động đông đảo đoàn viên và thanh niên tham gia. Đã có hơn 4.500 thanh niên ưu tú được kết nạp vào Đoàn, trên 10.000 thanh niên được kết nạp vào Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Đây là cơ sở để củng cố Đoàn Thanh niên ngày càng vững mạnh.

Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã phát động nhiều phong trào thi đua sản xuất và thực hiện bình đẳng giới, trong đó nổi bật nhất là phong trào *"Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*. Thông qua các phong trào, đã kết nạp thêm nhiều chị em vào Hội, nâng tổng số hội viên toàn tỉnh từ 15.000 năm 1976 lên hơn 40.000 người vào năm 1983. Bên cạnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ phối hợp với các ngành văn hóa, y tế, giáo dục và các đoàn thể vận động hội viên hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận các cấp tham gia phong trào xây dựng gia đình văn hóa; bình chọn hơn 10.000 chị em đạt tiêu chuẩn bốn nội dung về người phụ nữ mới và hơn 1.980 bà mẹ nuôi dạy con tốt.

Về hoạt động hỗ trợ thành lập, củng cố, phát triển các hội quần chúng, một số hội quần chúng được Đảng, Nhà nước khuyến khích thành lập và tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động. Tỉnh ủy có chủ trương cho thành lập các cấp hội cơ sở của Hội Chữ thập đỏ, Hội Y học dân tộc cổ truyền, Hội Phụ lão và tiếp tục phát triển, kết nạp thêm nhiều hội viên mới làm cho tổ chức của Mặt trận ngày càng mở rộng, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào các phong trào do Mặt trận phát động.

Tuy nhiên, trong công tác vận động quần chúng, còn có đơn vị, địa phương chưa quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng đối với công tác dân vận; chưa nhận thức rõ công tác dân vận là công tác của toàn Đảng; từng bộ phận trong hệ thống chính trị cũng chưa nắm vững và phát huy vai trò, chức năng của mình trong công tác dân vận. Các cơ quan Nhà nước chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm vận động quần chúng; một bộ phận cán bộ cơ quan nhà nước vi phạm quyền làm chủ tập thể của Nhân dân, làm mất lòng dân. Hoạt động của đoàn thể chưa sâu sát cơ sở; hình thức và phương thức hoạt động chậm đổi mới; việc đào tạo cán bộ còn ít, việc phân công, bố trí không ổn định, nhiệt tình của một số cán bộ đoàn thể giảm sút; sự phối hợp công tác giữa chính quyền với các đoàn thể chưa thành nền nếp thường xuyên; công tác tập hợp quần chúng vào tổ chức còn ít. Năm 1980, mới tập hợp 21% quần chúng vào các tổ chức chính trị - xã hội.

*

* *

Mười năm đầu sau giải phóng (1976 - 1986), trong điều kiện tỉnh mới sáp nhập, đội ngũ cán bộ thiếu và yếu về trình độ, năng lực, đặc biệt cán bộ lãnh đạo chủ chốt không ổn định, hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém; đời sống của Nhân dân vô cùng khó khăn do hậu quả của cuộc chiến tranh 30 năm; các tổ chức phản động tăng cường các hoạt động chống phá... Nhưng Đảng bộ tỉnh Cửu Long đã lãnh đạo Nhân dân khắc phục khó khăn và vượt qua biết bao thử thách vừa xây dựng, vừa bảo vệ chính quyền cách mạng, đập tan các âm mưu, hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng, vừa ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa đạt nhiều thành tựu quan trọng:

Đảng bộ tỉnh chủ trương đưa nông nghiệp phát triển toàn diện, với việc tăng cường các biện pháp chỉ đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đã tạo được sự chuyển biến đáng kể. Trước 30/4/1975, nông nghiệp phổ biến là độc canh cây lúa, hầu hết chỉ sản xuất một vụ. Một phần diện tích bị hoang hóa do chiến tranh. Sau 30/4/1975, nông dân trở về ruộng vườn cũ, khôi phục đất hoang làm thủy lợi, mở rộng diện tích sản xuất góp phần nâng cao sản lượng lương thực. Sản lượng lương thực năm 1976 đạt 646.00 tấn, là năm được mùa nhất, mặc dù đây vẫn chưa phải là con số lớn so với một tỉnh nông nghiệp, song đã nói lên được sự cố gắng rất lớn của Đảng bộ, quân và dân Trà Vinh sau chiến tranh. Tuy nhiên, trong nhiều năm liền, mức sản lượng này vẫn không có sự thay đổi lớn. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có thiên tai, thời tiết, và quan trọng nhất là chậm áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; chính sách đầu tư của nhà nước từng lúc chưa hợp lý và chưa kịp thời làm cho năng suất giảm sút nghiêm trọng. Năm 1978, tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh chỉ đạt 459.514 tấn, đến năm 1980 tổng sản lượng lương thực cũng chỉ đạt xấp xỉ năm 1976. Trong 5 năm 1981-1985 sản lượng lương thực đạt 3,78 triệu tấn (tăng 01 triệu tấn so với 05 năm trước), bình quân hàng năm (1981 - 1985) tăng 10% so với thời kỳ 1976 - 1980.

Quá trình tổ chức lại sản xuất, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân kiên quyết, kiên trì chủ trương chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường vận động giáo dục, đưa đại bộ phận Nhân dân đi vào làm ăn tập thể, hợp tác với

nhiều hình thức. Tuy có những lúng túng trong bước đầu thực hiện và có những hạn chế, yếu kém, nhưng cũng không thể phủ nhận những kết quả mà hợp tác hóa mang lại. Đến năm 1985, tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất, quy hoạch tổng thể từng vùng và tiểu vùng phù hợp với điều kiện sản xuất... kết quả là đã đưa sản xuất nông nghiệp đi vào thế ổn định. Đặc biệt là khâu thủy lợi đã góp phần rất quan trọng cho việc tăng năng suất, sản lượng trong giai đoạn tiếp theo. Công nghiệp được củng cố và phát triển, vừa tạo điều kiện thúc đẩy nông nghiệp phát triển, vừa tạo tiền đề cho tỉnh đi vào công nghiệp hóa. Tính chung giai đoạn 10 năm (1976 -1986) toàn tỉnh đã có 20 xí nghiệp quốc doanh cấp tỉnh; 70 cơ sở quốc doanh, công ty hợp doanh cấp huyện, thị; 60 hợp tác xã; trên 100 tổ hợp tác và hơn 5.000 cơ sở cá thể tiểu thủ công nghiệp...

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo được đầu tư và phát triển, trường cấp I và II phát triển tận xã, phường; trường cấp III phát triển đủ 14 huyện, thị và một số phân hiệu ở các thị trấn. Hệ thống báo chí, phát thanh - truyền hình được đầu tư xây dựng góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Các cơ sở văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá của Nhân dân. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ cán bộ y tế để làm tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân. Triển khai thực hiện tốt các chính sách đối với gia đình liệt sĩ, thương binh, những người có công với cách mạng và các đối tượng xã hội.

Vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội, Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo công tác ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội, lãnh đạo tốt cuộc đấu tranh chống các phần tử phản động, các hoạt động bạo loạn; bọn tội phạm, tệ nạn xã hội. Đồng thời, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và làm nhiệm vụ giúp tỉnh KompôngSpư (Campuchia).

Trên mặt trận tư tưởng văn hóa, Đảng bộ tập trung lãnh đạo học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử Việt Nam... Kết quả là đại bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tiếp tục khẳng định và tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng lãnh đạo. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ và xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ tỉnh quan tâm, qua đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và hệ thống chuyên chính đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Tập trung cho công tác phát triển đảng viên mới[53]. Đồng thời, kiên quyết xử lý, sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng các đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng. Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể được gắn bó tạo thành khối đoàn kết thống nhất, tích cực góp phần đưa tỉnh nhà bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện.

Sau 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, cả nước nói chung, tỉnh Cửu Long nói riêng đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Song, cùng với bối cảnh chung của đất nước, ta cũng gặp không ít những thách thức đặt ra: nền kinh tế vẫn đứng trước tình trạng mất cân đối nghiêm trọng do duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và ảnh hưởng của thiên tai, địch họa, sản xuất không đủ tiêu dùng và chưa có tích lũy. Trong nông nghiệp, cơ chế "khoán 100" tuy đạt được kết quả nhất định nhưng cũng bộc lộ những nhược điểm do chưa thoát khỏi sự ràng buộc của cơ chế cũ. Công nghiệp, thủ công nghiệp còn nhiều yếu kém. Tình trạng thiếu việc làm khá phổ biến, năng suất lao động rất thấp. Phân phối lưu thông rối ren, giá cả tăng vọt, lạm phát phi mã. Những tháng cuối năm 1985, thực hiện cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền có những thiếu sót, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống Nhân dân, tiêu cực gia tăng trong xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế nhiều mặt xuống cấp.

[53] Từ 10.000 đảng viên năm 1976 đã tăng lên 17.000 đảng viên năm 1986.